

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Tuyết Nga**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ninh Thị Thùy Trang**

**HẢI PHÒNG - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MEGA**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Tuyết Nga**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ninh Thị Thùy Trang**

**HẢI PHÒNG - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Tuyết Nga

Mã SV:1412401386

Lớp: QT1805K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Mega

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>3</b>
1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: .....	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:.....	5
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu: .....	6
1.4.Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:.....	7
1.5.Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
1.5.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu: .....	13
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán .....	14
1.5.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh : .....	21
1.6. Nội dung kết toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính. ....	24
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác:.....	28
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	32
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	35
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DV MEGA.....</b>	<b>39</b>
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM DV Mega .....	39
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty CPTM DV Mega.....	39
2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega:.....	40
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega.....	40
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega .....	41

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega.....	43
2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega.....	43
2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần thương mại DV Mega.....	70
2.2.3 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí khác tại Công ty cổ phần thương mại DV Mega.....	74
2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại DV Mega.....	74
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DV MEGA.....</b>	<b>80</b>
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty CPTM DV Mega. ....	80
3.1.1. Ưu điểm.....	80
3.1.2. Hạn chế.....	81
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. ....	81
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. ....	82
3.3.1. Kiến nghị 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán.....	82
3.3.2 Kiến nghị 2: Kiến nghị về áp dụng chế độ kế toán mới.....	84
3.3.3 Kiến nghị 3: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán. ....	85
3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega.....	88
3.4.1. Về phía Nhà nước.....	88
3.4.2. Về phía doanh nghiệp.....	88
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>89</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài.

Trong bất kỳ quốc gia nào, ở các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế... kế toán bao giờ cũng có vị trí đặc biệt quan trọng. Công tác kế toán ở các doanh nghiệp Việt Nam là bộ phận không thể thiếu ở tất cả các đơn vị tổ chức. Kế toán là công việc ghi chép, thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động tài chính của một tổ chức, một doanh nghiệp, một cơ quan nhà nước, một cơ sở kinh doanh tư nhân... Đây là một bộ phận đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Kế toán vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật, nó phát huy tác dụng nhờ một công cụ sắc bén, có hiệu lực phục vụ yêu cầu quản lý kinh doanh hiện nay.

Nhận thấy tầm quan trọng của việc xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, được sự chấp thuận của Ban giám đốc Công ty Cổ phần thương mại DV Mega cùng sự hướng dẫn của thạc sĩ Ninh Thị Thùy Trang, em xin chọn đề tài nghiên cứu “**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega**” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Phạm vi nghiên cứu: Tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega năm 2016

### 4. Phương pháp nghiên cứu.

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

### 5. Kết cấu của khóa luận.

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận, gồm 03 chương nội dung:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega.

**CHƯƠNG 1****LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP****1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:****\*Bán hàng:**

Theo quan niệm cổ điển: "Bán hàng là hoạt động thực hiện sự trao đổi sản phẩm hay dịch vụ của người bán chuyển cho người mua để được nhận lại từ người mua tiền, vật phẩm hoặc giá trị trao đổi đã thỏa thuận"

Theo một số quan điểm hiện đại phổ biến thì khái niệm bán hàng được định nghĩa như sau.

- Bán hàng là nền tảng trong kinh doanh đó là sự gặp gỡ của người bán và người mua ở những nơi khác nhau giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu nếu cuộc gặp gỡ thành công trong cuộc đàm phán về việc trao đổi sản phẩm.
- Bán hàng là quá trình liên hệ với khách hàng tiềm năng tìm hiểu nhu cầu khách hàng, trình bày và chứng minh sản phẩm, đàm phán mua bán, giao hàng và thanh toán.
- Bán hàng là sự phục vụ, giúp đỡ khách hàng nhằm cung cấp cho khách hàng những thứ mà họ muốn.

**\*Sản phẩm tiêu thụ:**

Tiêu thụ sản phẩm là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tiêu thụ sản phẩm là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

**\*Doanh thu:**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực số 14 của Doanh thu và Thu nhập khác ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định như sau:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.



Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được, các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

**\*Doanh thu thuần:**

Doanh thu thuần là khoản doanh thu bán hàng sau khi đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính Doanh thu thuần (=) doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (-) các khoản giảm trừ doanh thu.

**\*Thời điểm ghi nhận doanh thu:**

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán về số lượng hàng hóa hay dịch vụ người bán.

**\*Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:**

Các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- *Hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Hoạt động sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ( lãi hay lỗ về tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ) là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong báo cáo kết quả kinh doanh chỉ tiêu này được gọi là “Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh”.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – Chi phí bán hàng – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- *Hoạt động khác và kết quả hoạt động khác:*

Hoạt động khác là hoạt động diễn ra không thường xuyên, không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện, hoạt động khác như thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, thu được khoản nợ khó đòi đã xóa sổ...

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác với chi phí khác.

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập thuần từ hoạt động khác – Chi phí từ hoạt động khác.

## 1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng bộ tài chính.

**\*Doanh thu bán hàng:** Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**\* Doanh thu cung cấp dịch vụ:** Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán;

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

\* **Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

\* **Thu nhập khác:** Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

### 1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu:

- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và sản phẩm hàng hóa bán ra thuộc diện chịu VAT thì doanh thu là giá không bao gồm VAT.
- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là giá bao gồm cả VAT.
- Với hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là giá bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.
- Với doanh nghiệp bán hàng theo hình thức trả chậm, trả góp thì doanh thu là giá tiền một lần từ đầu (nhưng trả làm nhiều kì), không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp. Lãi trả chậm, trả góp hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hàng kỳ.
- Với những doanh nghiệp nhận gia công hàng hóa vật tư, thì doanh thu là số tiền gia công thực tế được hưởng không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận về gia công chế biến nay xuất trở lại.
- Với doanh nghiệp làm đại lý thì doanh thu là số tiền hoa hồng thực tế được hưởng, không bao gồm số tiền thu được từ bán hàng.

- Doanh nghiệp cho thuê tài sản có nhận trước tiền thuê cho nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm tài chính được xác định bằng tổng số tiền nhận trước chia cho số năm trả trước.
- Đối với sản phẩm hàng hóa đã xác định là tiêu thụ trong kỳ nhưng bị khách hàng trả lại hay yêu cầu giảm giá do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng hoặc khi người mua mua với số lượng lớn được hưởng chiết khấu, kế toán sẽ theo dõi chi tiết trên TK 5211, 5212, 5213.
- Các trường hợp không được hạch toán vào TK511:
  - +Nợ khó đòi đã xử lý nay đòi được.
  - +Các khoản nợ không có người đòi.
  - +Các khoản thu nhập khác như phạm vi hợp đồng.

#### **1.4.Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu: ghi chép, phản ánh, hạch toán chính xác doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng kết quả kinh doanh.
- Nhiệm vụ của kế toán chi phí: ghi chép, phản ánh, hạch toán chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng kết quả kinh doanh.
- Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh: ghi chép, phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh đúng.

#### **1.5.Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

##### **1.5.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

###### **\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu thu tiền
- Phiếu báo có...

###### **\*Tài khoản sử dụng:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa hay cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

- Tài khoản 511 có năm tài khoản cấp 2:

+TK5111 – Doanh thu bán hàng hóa: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư lương thực,...

+TK5112 – Doanh thu bán các thành phẩm: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm( Thành phẩm, bán thành phẩm) đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các doanh nghiệp sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp,...

+TK5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

+TK5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

+TK5118: Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của nhà nước...

- Bên Nợ:

+Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

+Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

+Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

+Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

+Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

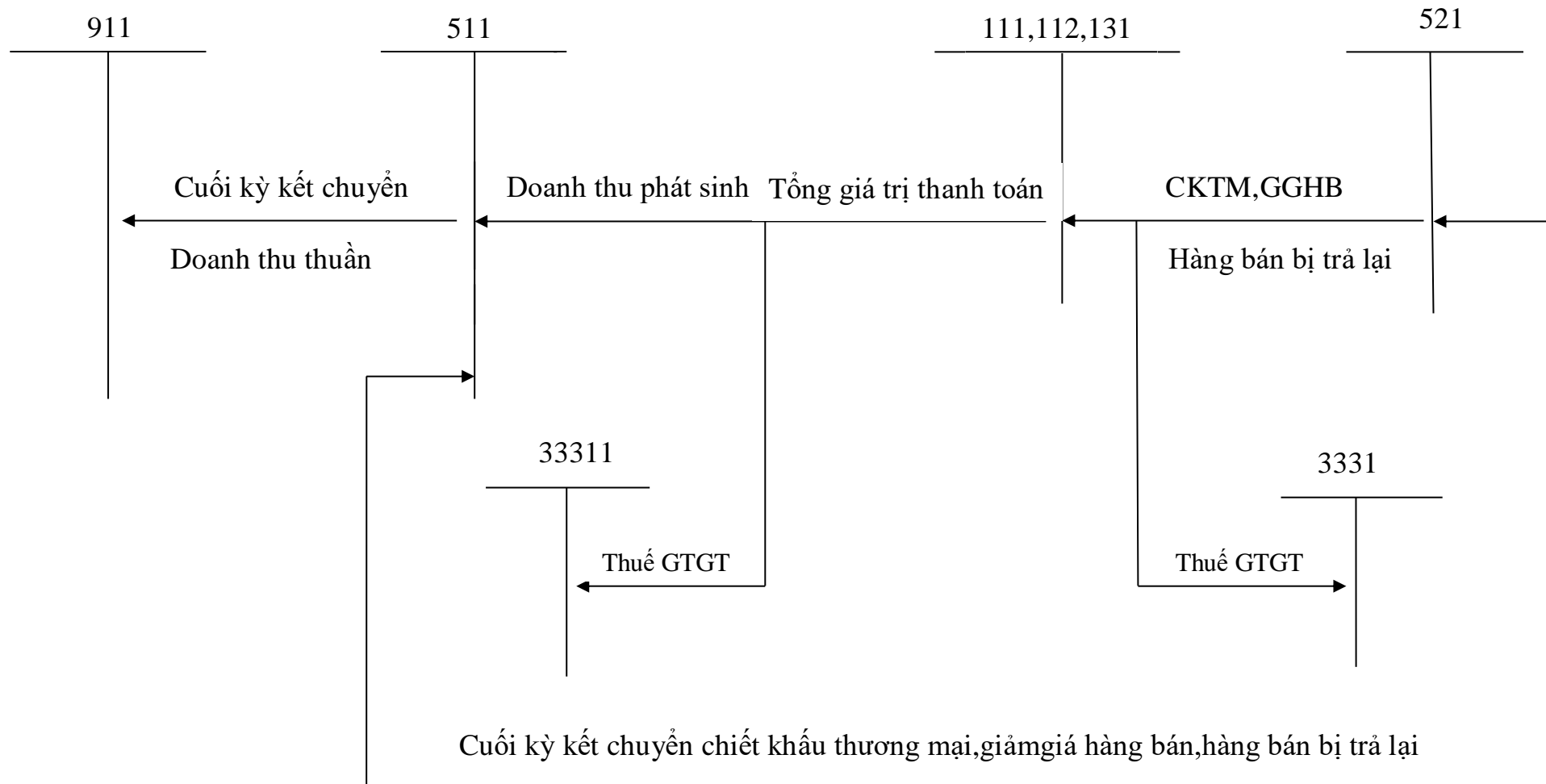
+Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Bên Có:

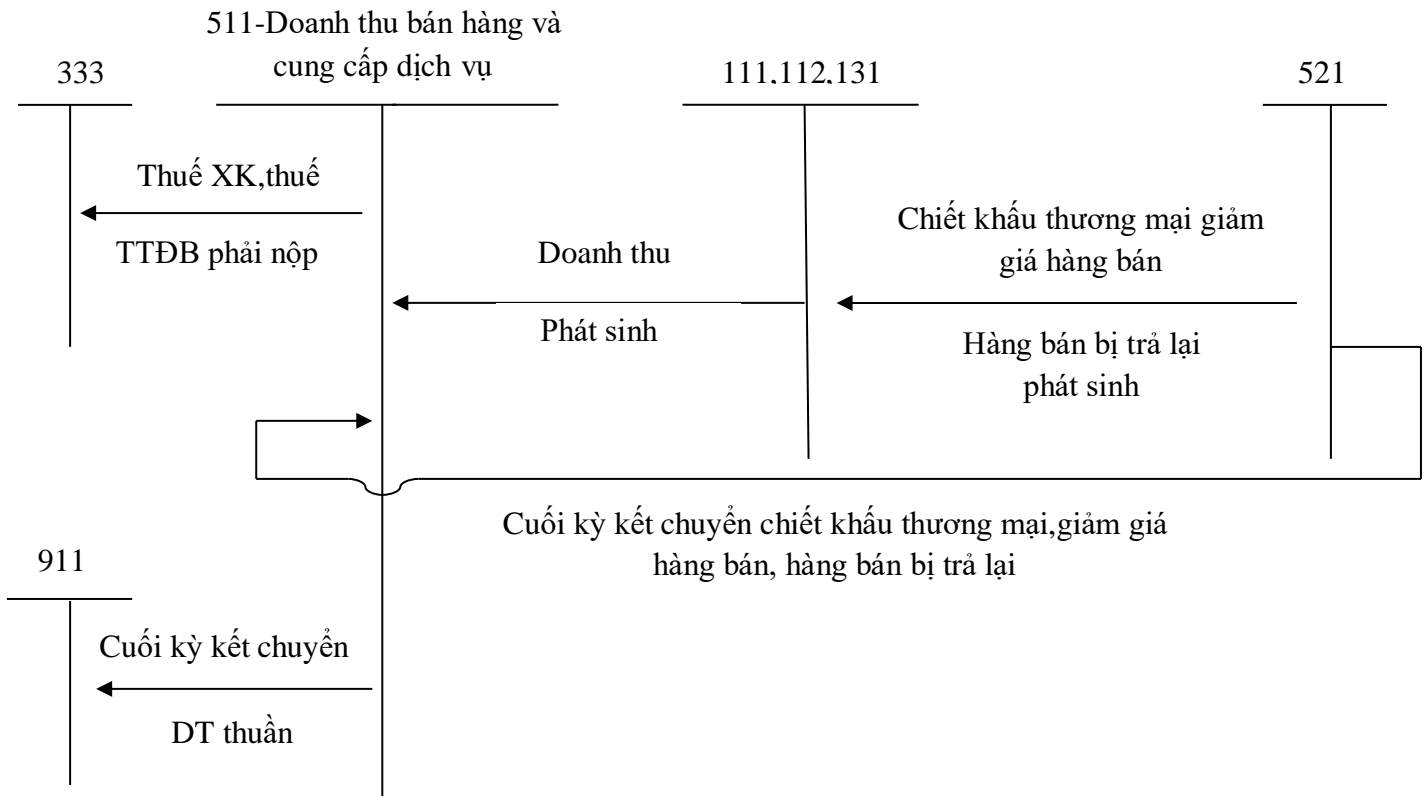
Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

- TK511 không có số dư cuối kỳ.

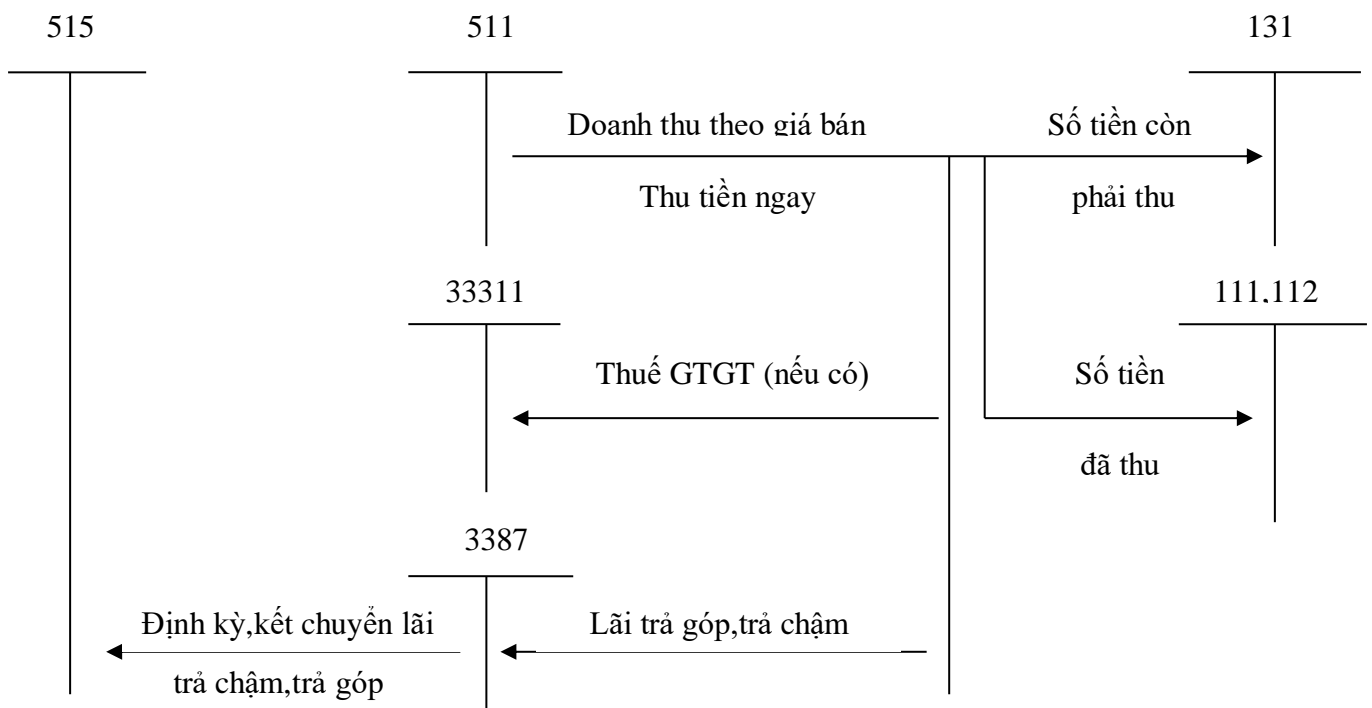
**\*Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

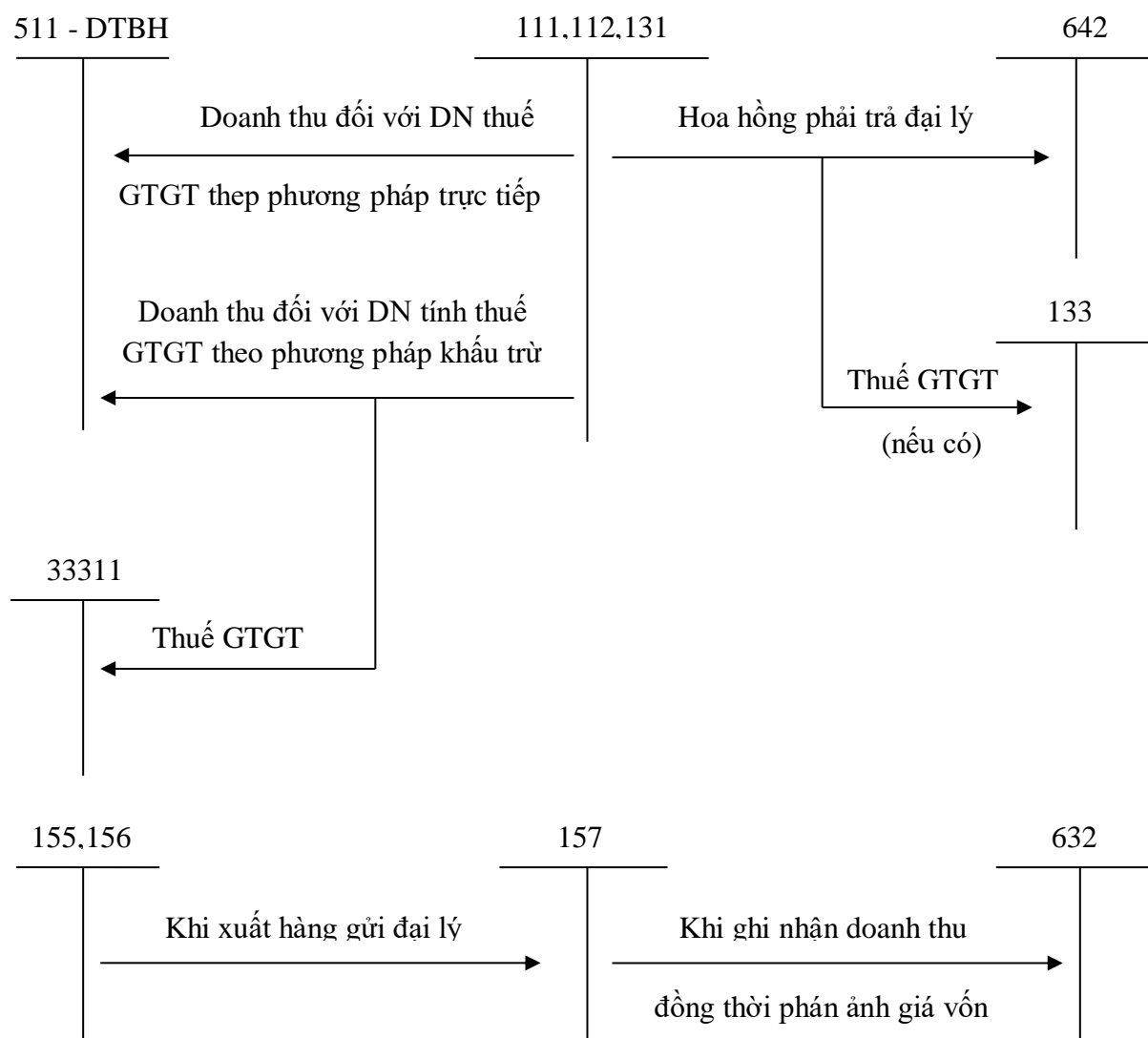


Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trả chậm, trả góp.





Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên giao đại lý).

**1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:****\*Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu chi, giấy báo nợ...
- Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại

**\*Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 521 dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

- Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại:* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

+ *Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.

+ *Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán:* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

- Bên Nợ:

+Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;

+Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng;

+Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

- Bên Có: Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

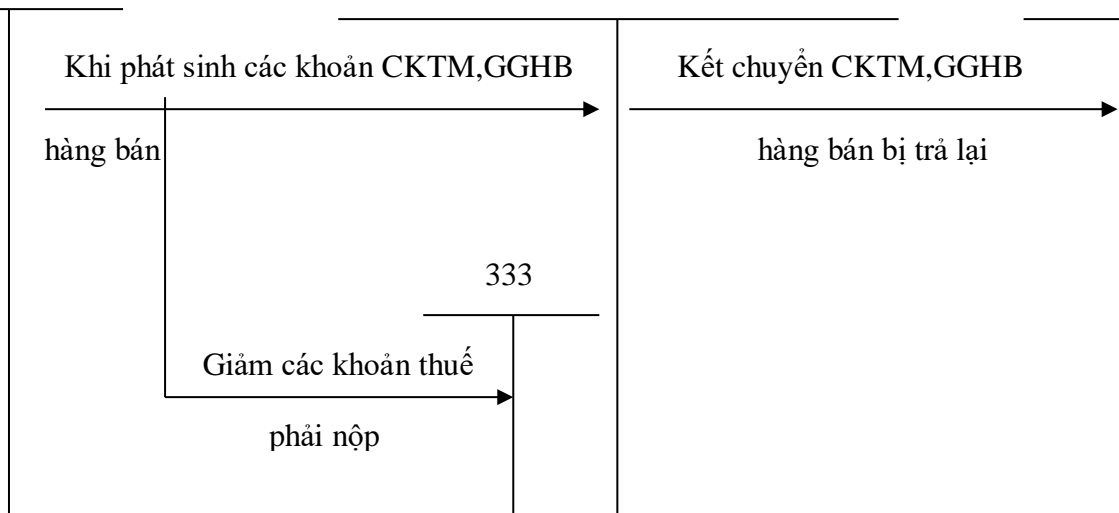
- Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu không có số dư cuối kỳ.

**\*Phương pháp hạch toán:**

111.112.131

TK521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

511



### 1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán

#### \*Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

- Phương pháp giá thực tế đích danh: khi áp dụng phương pháp này thì giá mua hàng hóa phải được theo dõi từng lô, từng loại hàng và theo dõi từ khâu mua đến khâu bán, do đó hàng hóa xuất bán thuộc lô nào thì giá vốn hàng bán chính là giá mua của hàng hóa đó.

- Phương pháp bình quân gia quyền:

+*Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ*: là phương pháp tính được giá vốn của hàng hóa xuất bán cuối ngày cuối kỳ trên cơ sở tính giá bình quân cả kỳ kinh doanh:

$$\text{Giá bình quân gia quyền} = \frac{\text{Giá thực tế của hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+*Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập*: theo phương pháp này, trị giá vốn của hàng hóa xuất tính theo giá bình quân của lần nhập trước đó với nghiệp vụ xuất. Như vậy sau mỗi lần nhập kho phải tính lại giá bình quân của đơn vị hàng hóa trong kho làm cơ sở để tính giá hàng hóa xuất kho cho lần nhập sau đó.

+*Phương pháp nhập trước xuất trước*: là phương pháp được dựa trên giả định là hàng hóa được nhập trước thì sẽ tiêu thụ trước. Do đó hàng tồn cuối kỳ là những hàng hóa nhập sau. Vì vậy giá vốn hàng hóa xuất kho trong kỳ được tính theo giá của hàng hóa nhập trước.

+*Phương pháp giá bán lẻ*: Phương pháp này được áp dụng trong ngành bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng nó tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

**\*Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

**\*Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 632 dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên:

- Bên Nợ:

○ Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh:

+Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

+Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;

+Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

+Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

○ Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh:

- +Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ;
- +Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT;
- +Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ;
- +Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ;
- +Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ;
- +Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá;
- +Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.

- Bên Có:

+Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;

+Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh của BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

+Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

+Trị giá hàng bán bị trả lại;

+Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).

+Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ;

+Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại;

+Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

○ Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

- Bên Nợ:

+Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.

+Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số lập dự phòng năm nay lớn hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).

- Bên Có:

+Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.

+Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

+Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

○ Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

- Bên Nợ:

+Trị giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho đầu kỳ;

+Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết);

+Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

- Bên Có:

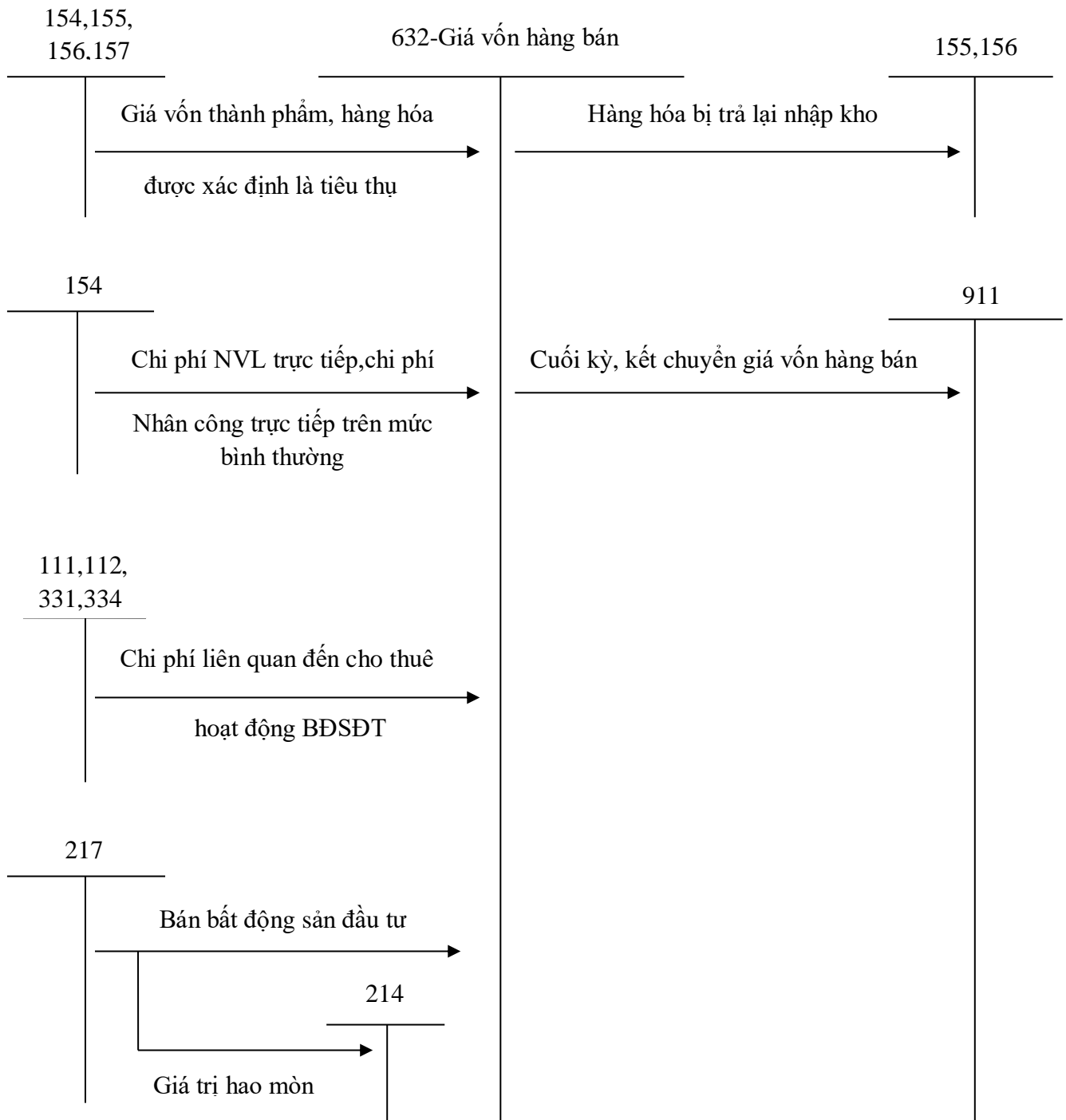
+Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”; TK154 “Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang”;

+Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);

+Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

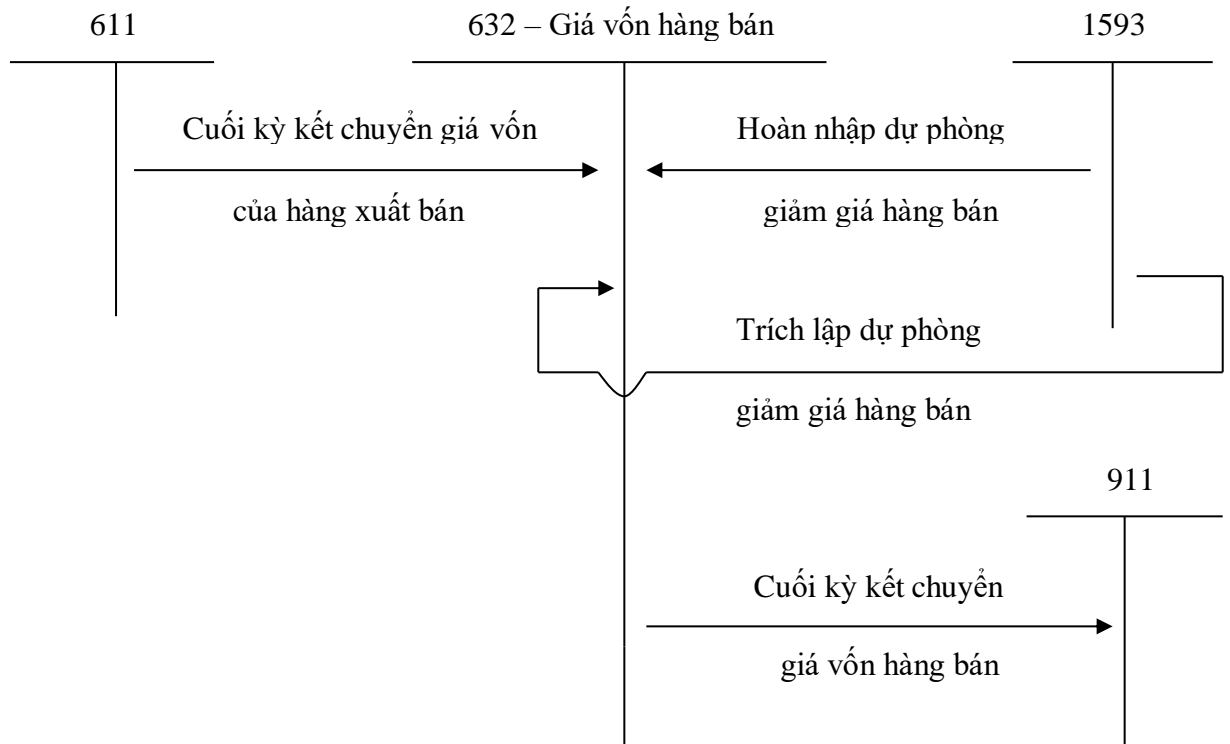
❖ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

**\*Phương pháp hạch toán:**



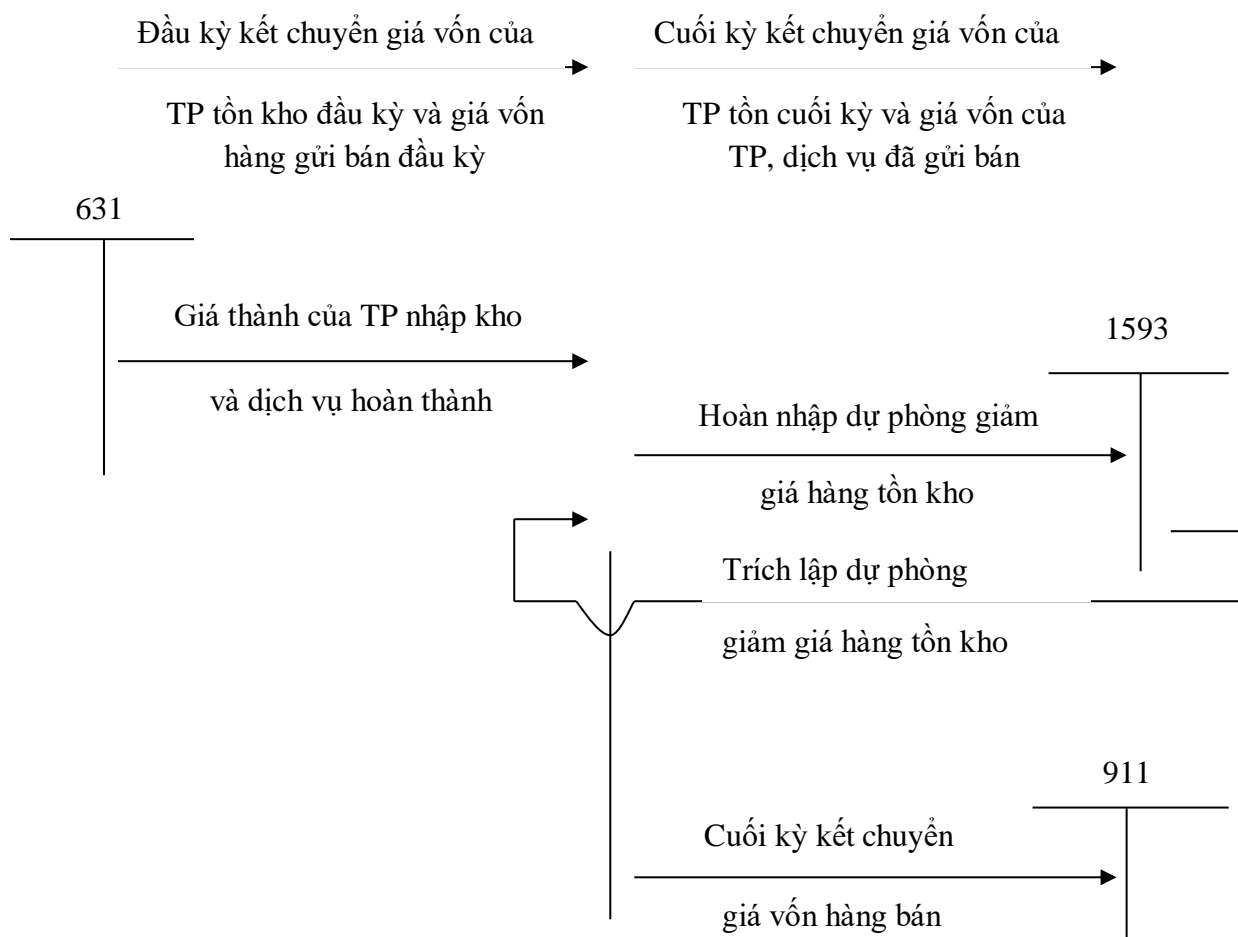
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên





Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp thương mại

155,157	632-giá vốn hàng bán	155,157
Nguyễn Tuyết Nga – QT1805K		20



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ

#### 1.5.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh :

##### \*Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ NVL, CCDC, bảng khấu hao TSCĐ.

##### \*Tài khoản sử dụng :

- Tài khoản 642 dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa ( trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lờn, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng ;chi phí vật liệu, công

cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...) chi phí bằng tiền khác.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lườn nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuế đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

+ Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

- Bên Nợ:

+ Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;

+ Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

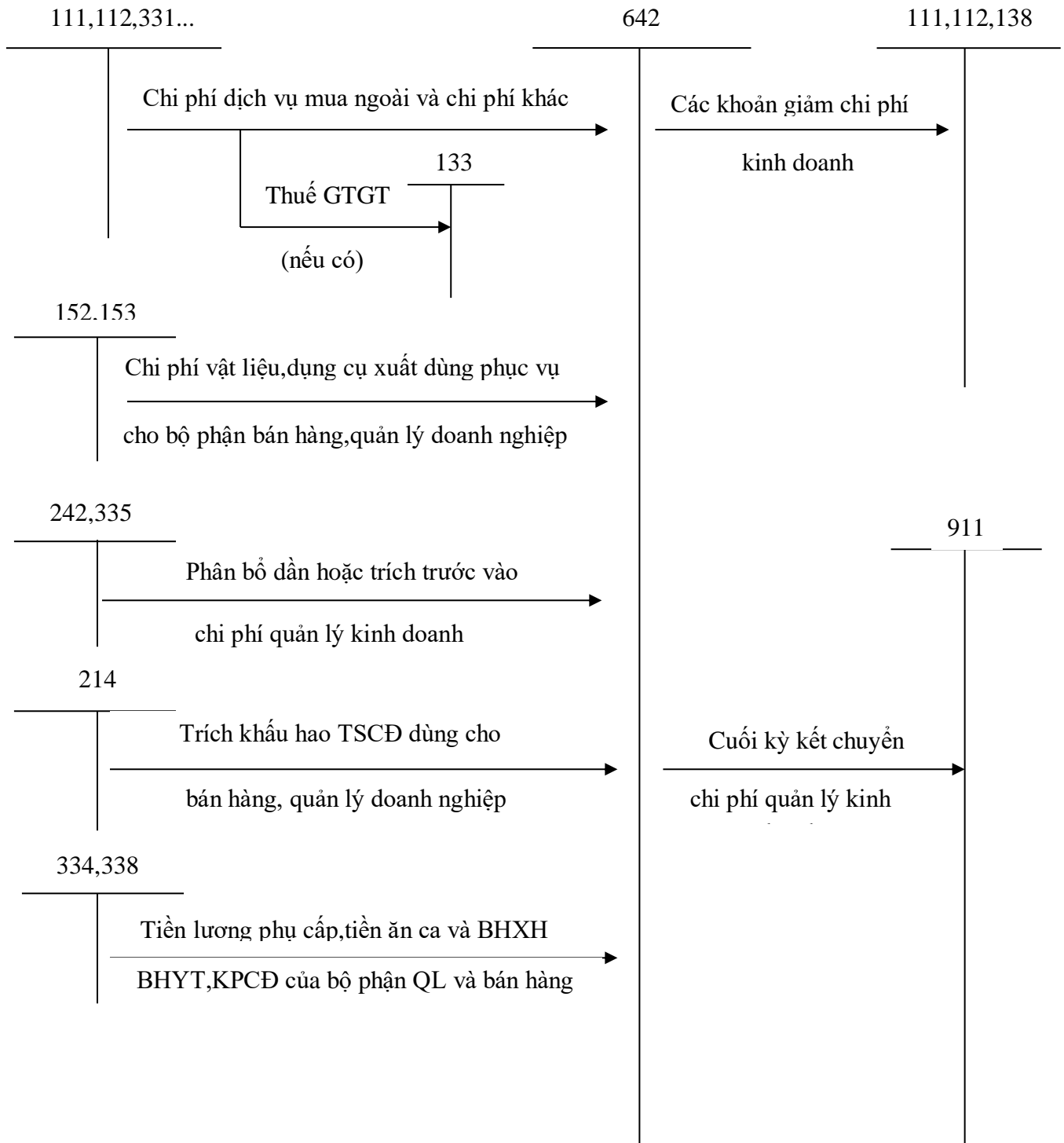
- Bên Có:

+ Các tài khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh;

+ Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

+ Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

**\*Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh

**1.6. Nội dung kết toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.****\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan .

**\*Tài khoản sử dụng:**

❖ Tài khoản 515 dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

+Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng , lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

+Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;

+Thu nhập về hoạt động đầu tư mua , bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;

+Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

+Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;

+Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

- Bên Nợ:

+Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);

+Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

- Bên Có: Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 635 phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

+Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính;

+Chiết khấu thanh toán cho người mua;

+Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;

+Lỗ tỉ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; lỗ tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;

+Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;

+Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;

+Các khoản chi phí tài chính khác.

- Bên Nợ:

+Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ;

+Trích lập dự phòng bổ sung giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).

- Bên Có:

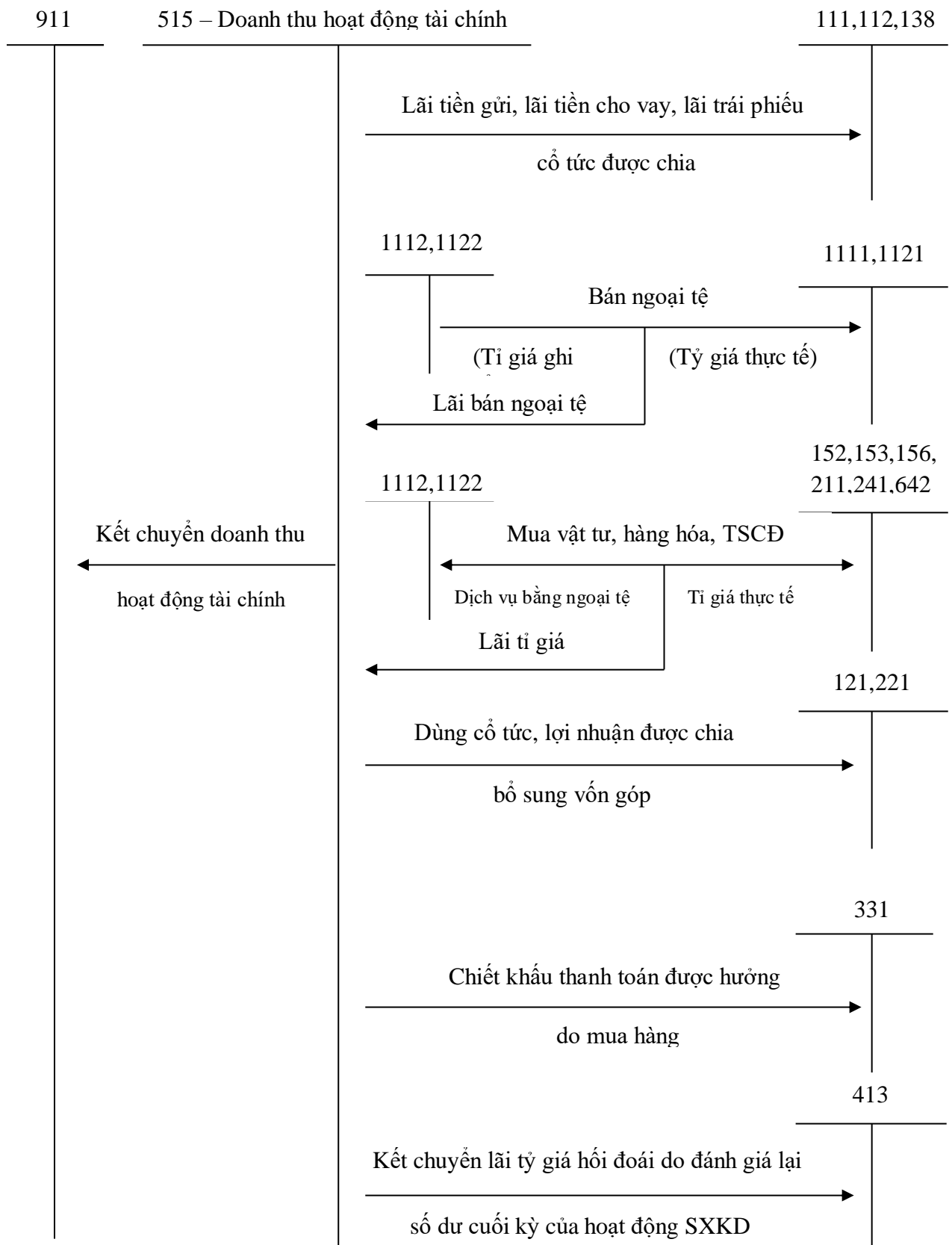
+Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

+Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;

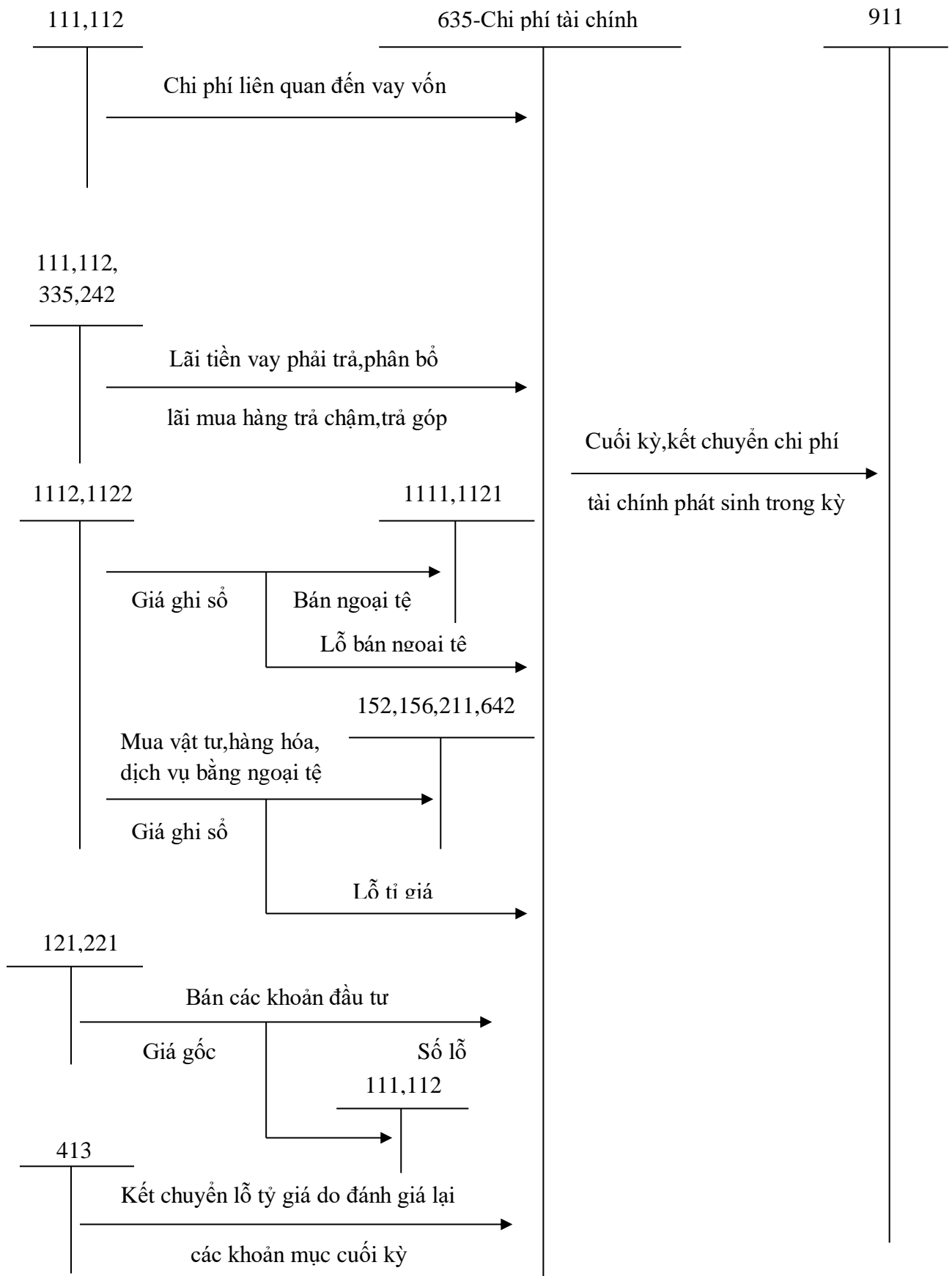
+Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

**\*Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán chi phí hoạt động tài chính



**1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác:****\*Chứng từ sử dụng:**

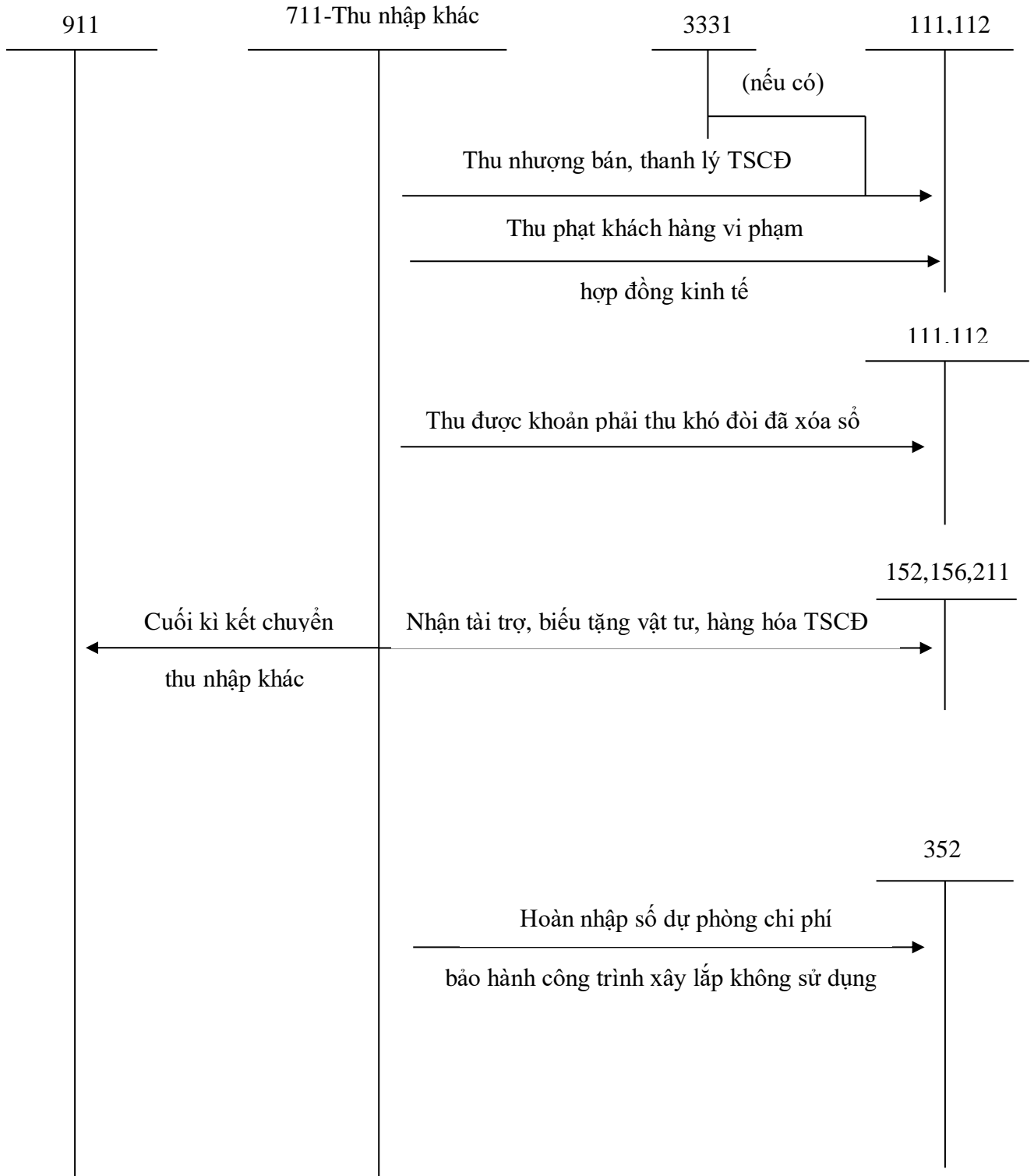
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi...
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản góp vốn kinh doanh

**\*Tài khoản sử dụng:**

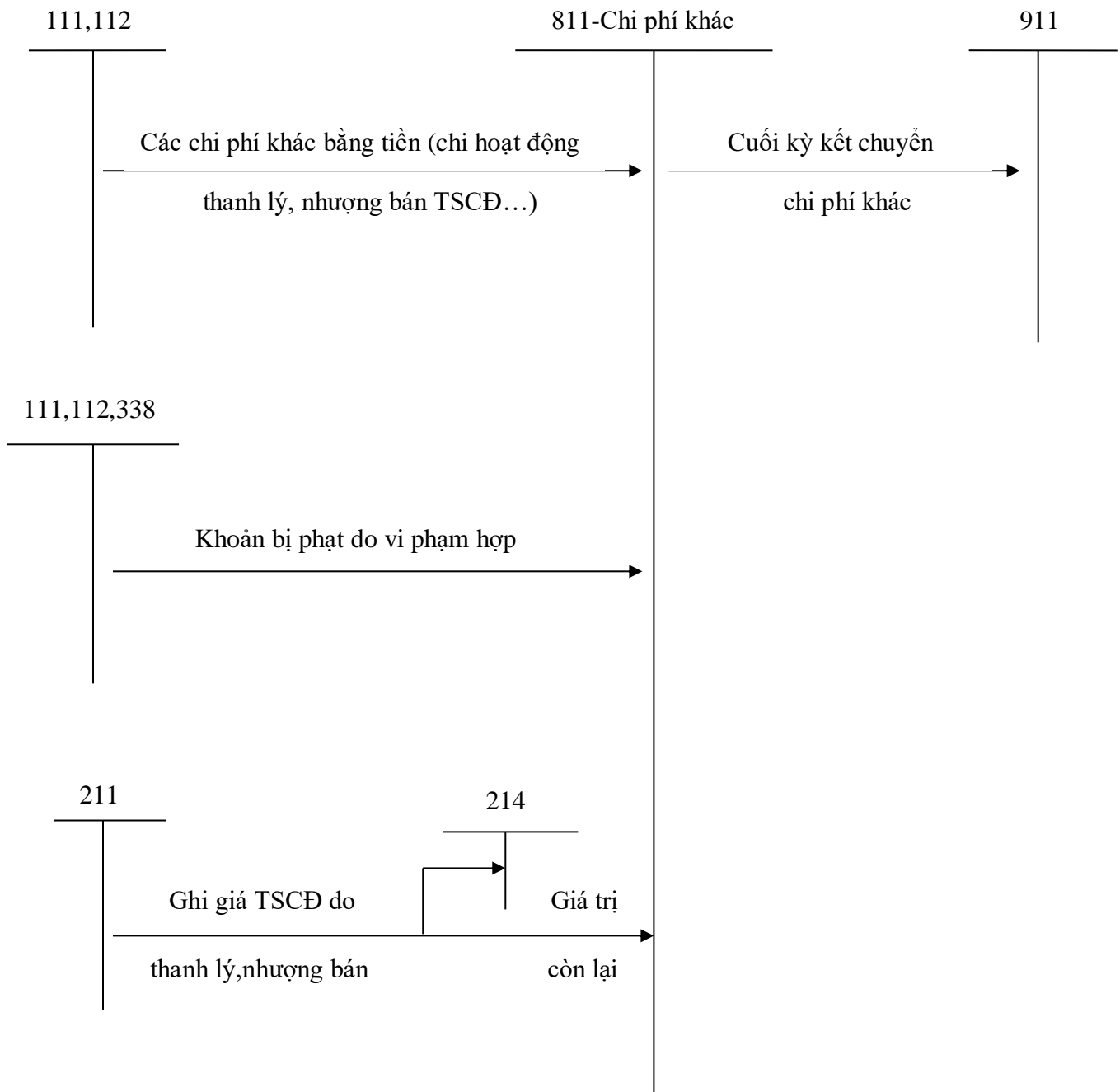
- ❖ Tài khoản 711 dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gồm:
  - + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
  - + Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
  - + Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
  - + Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVTM phải nộp nhưng sau đó được giảm);
  - + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
  - + Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
  - + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
  - + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
  - + Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
  - + Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
  - + Giá trị số hàng khuyến mãi không phải trả lại nhà sản xuất;
  - + Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.
- Bên Nợ:
  - + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp;
  - + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Bên Có:
  - +Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 711 – Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.
  - ❖ Tài khoản 811 phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:
    - +Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ ( gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ;
    - +Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia ra từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
    - +Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
    - +Giá trị còn lại TSCĐ bị thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
    - +Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư hàng hóa , TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
    - +Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
    - +Các khoản chi phí khác;
- Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.
- Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 ‘Xác định kết quả kinh doanh’.
- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

**\*Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán thu nhập hoạt động khác



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động khác

## **1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp**

### **\*Chứng từ sử dụng:**

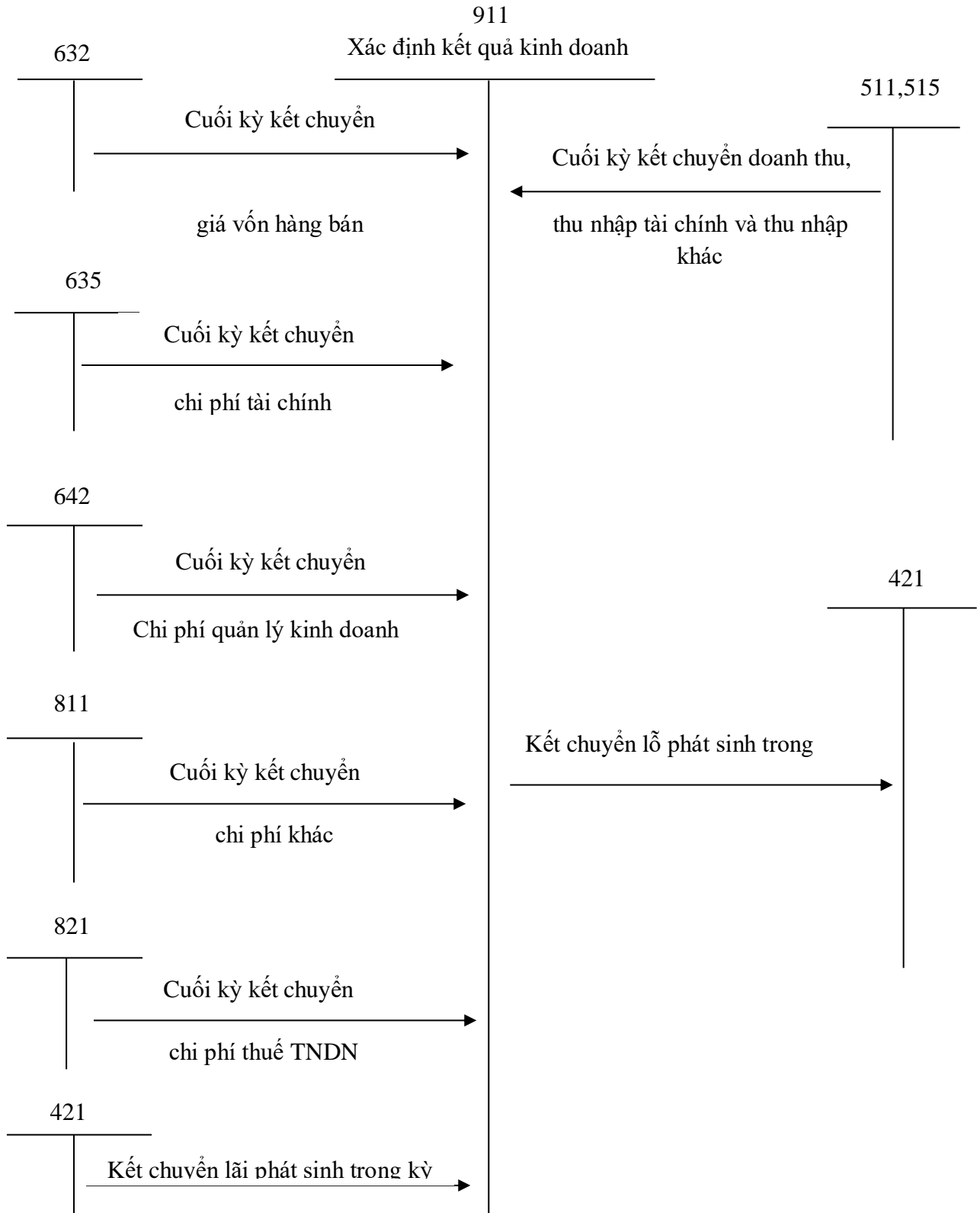
- Phiếu kế toán

### **\*Tài khoản sử dụng:**

- ❖ Tài khoản 911 dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.
- Bên Nợ:
  - +Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
  - +Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
  - +Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
  - +Kết chuyển lãi.
- Bên Có:
  - +Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
  - +Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
  - +Kết chuyển lỗ.
- Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.
  - ❖ Tài khoản 821 dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.
- Bên Nợ:
  - +Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm;
  - +Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại.
- Bên Có:
  - +Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm;

- +Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảmn do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm hiện tại;
- +Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.
  - ❖ Tài khoản 421 dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.
- Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, có 2 tài khoản cấp 2.
- Bên Nợ:
  - +Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
  - +Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
  - +Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu;
  - +Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu.
- Bên Có:
  - +Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
  - +Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
  - +Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 421 có thể có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.
  - +Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
  - +Số dư bên Có: Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

**\*Phương pháp hạch toán:**



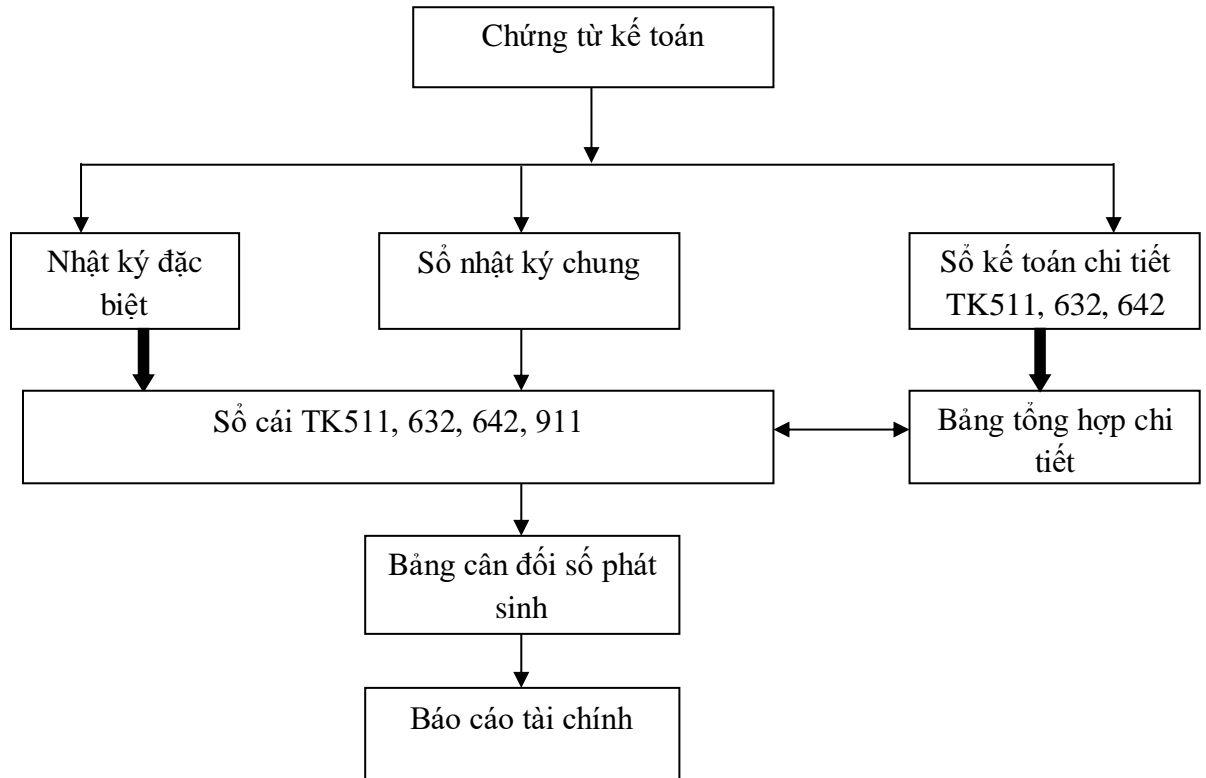
*Sơ đồ 1.14: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp*

### 1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo QĐ48/2006, doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức kế toán sau

a) Hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Sơ đồ trình tự ghi sổ:



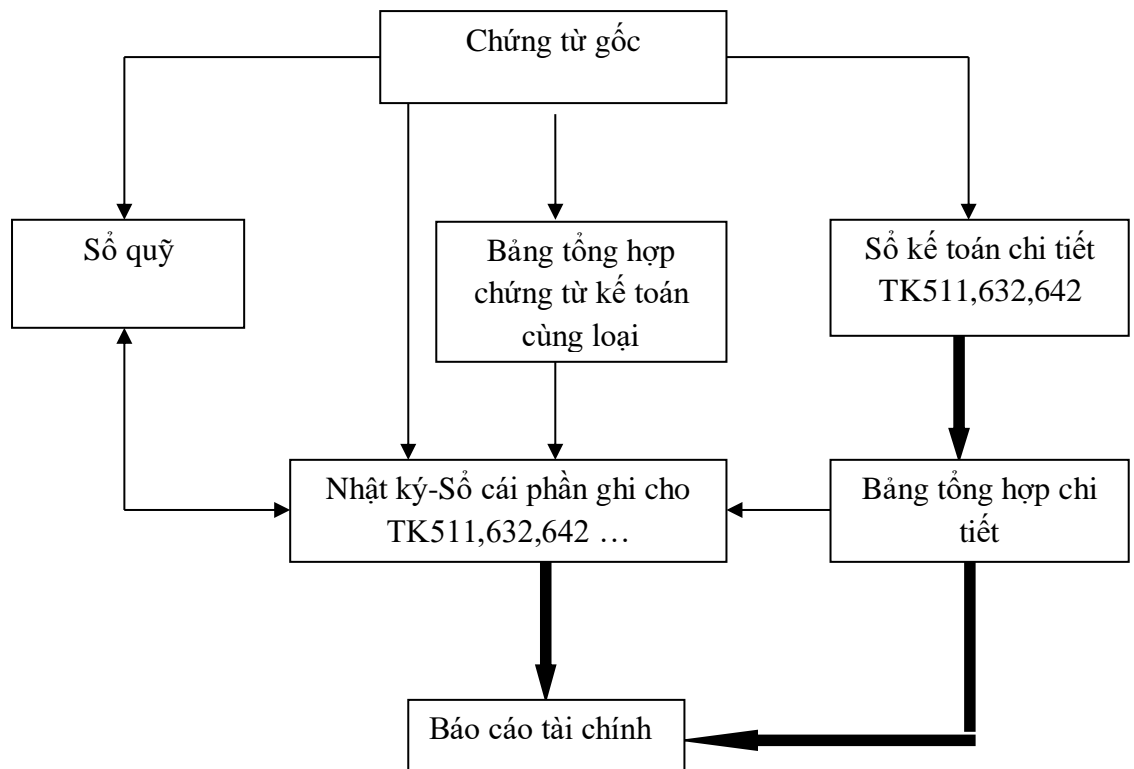
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



## b) Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

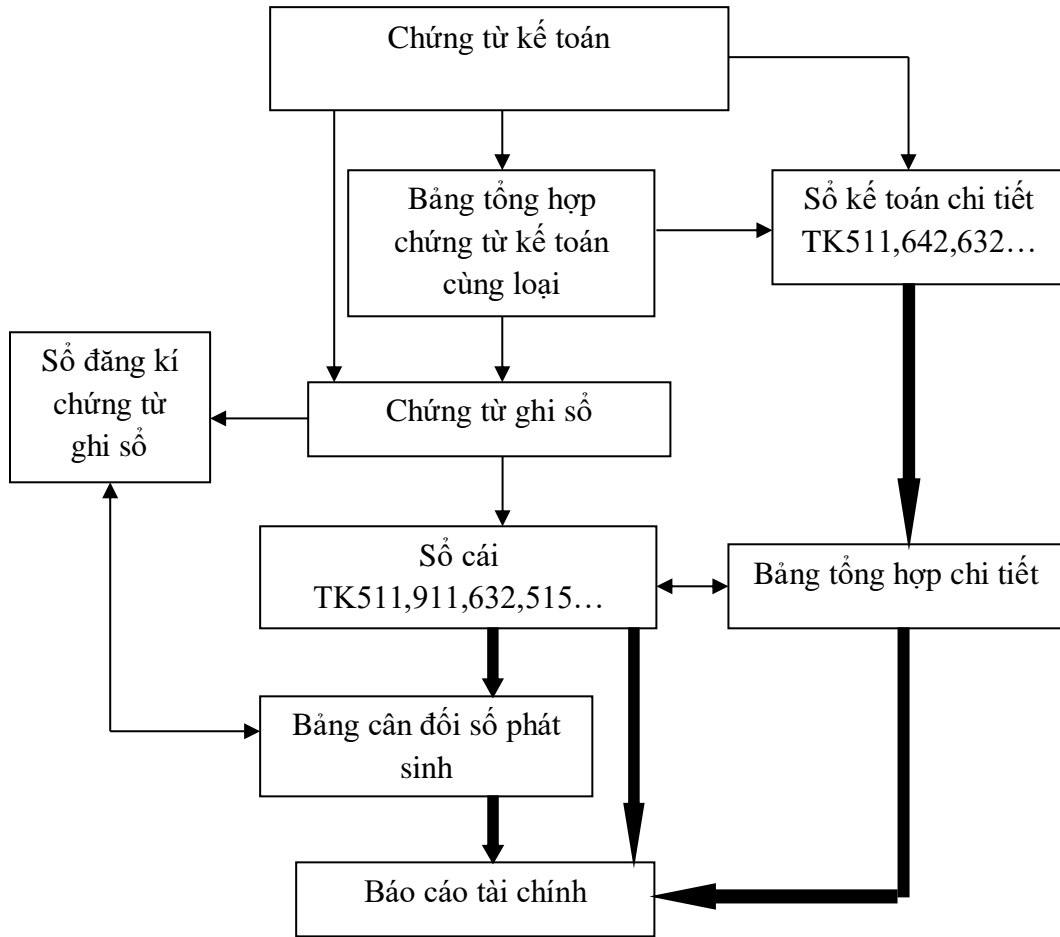


Ghi chú:

- Ghi chú hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

## c) Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

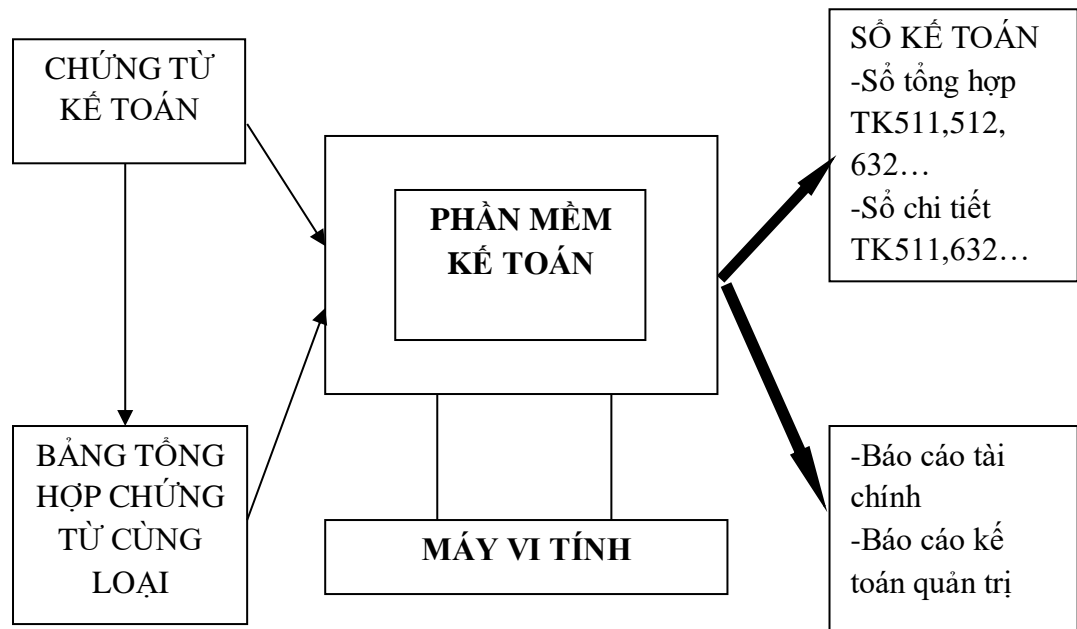


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.17: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

## d) Hình thức kế toán máy.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ➔ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.18: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy

---

## CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MEGA

### 2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM DV Mega

#### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty CPTM DV Mega

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DV MEGA
- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DV MEGA
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp An Tràng, An Lão, Hải Phòng, Việt Nam..
- Tel: 0313.697.106
- Mã số thuế: 0200734343
- Người đại diện pháp lý: Tạ Minh Thông
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần thương mại
- Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh các chất phủ bề mặt
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh các chất phủ bề mặt

Công ty Cổ phần thương mại DV Mega thành lập ngày 12 tháng 03 năm 2007. Đến nay, Công ty Cổ phần thương mại DV Mega đã trở thành một mô hình kinh doanh rộng rãi, có uy tín tại Hải Phòng. Với gần 15 nhân viên, Công ty cổ phần thương mại DV Mega đã đang ngày càng mở rộng địa bàn hoạt động hơn nữa. Với định hướng chiến lược đúng đắn Công ty cổ phần thương mại DV Mega đã và đang đạt được tốc độ tăng trưởng đáng kể.

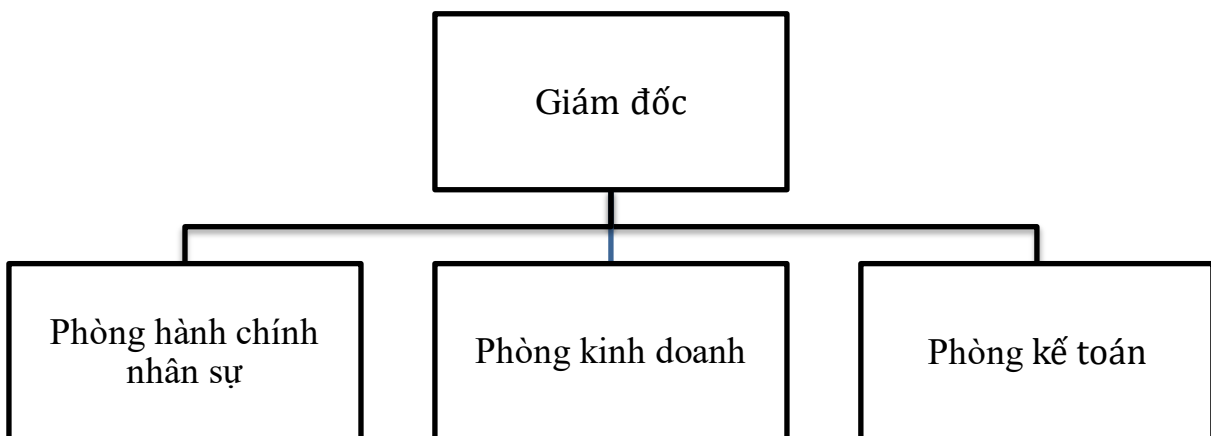
Công ty cổ phần thương mại DV Mega đã áp dụng hệ thống quản lý chuyên nghiệp cùng đội ngũ nhân lực có trình độ cao. Đến nay Công ty cổ phần thương mại DV Mega vẫn tiếp tục khẳng định vị trí của mình trong hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó Công ty cổ phần thương mại DV Mega cũng đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh bằng việc môi giới thương mại mở rộng các quan hệ đầu tư, hợp tác nhằm phát huy tối đa lợi thế về nguồn lực tài chính.

### 2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega:

- Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega theo lĩnh vực hoạt động
- Đối tượng hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega được hạch toán chung cho mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị.
- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega theo năm.

### 2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega.



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega**

**Giám đốc:** là đại diện pháp nhân của công ty, là người chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh và làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước theo quy định hiện hành. Giám đốc điều hành mọi hoạt động kinh doanh có quyền quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của công ty theo nguyên tắc gọn nhẹ đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Giám đốc đóng vai trò quan trọng trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của công ty.

**Phòng hành chính nhân sự:** làm chức năng văn phòng và tổ chức lao động tiền lương, có nhiệm vụ quản lý hồ sơ, quản lý quỹ tiền lương, tổ chức thực hiện chính sách đối với người lao động, tiếp nhận, sắp xếp cán bộ công nhân viên trong công ty cho phù hợp với nhu cầu và nhiệm vụ kinh doanh. Theo dõi công tác kỷ luật khen thưởng trong công ty.

**Phòng kế toán:** quản lý, huy động và sử dụng nguồn vốn của công ty sao cho đúng mục đích và hiệu quả nhất. Phòng kế toán có trách nhiệm ghi chép các nghiệp vụ tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động của công ty, xác định kết quả hoạt động kinh doanh lập báo cáo tài chính theo quy định. Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty nhằm cung cấp các thông tin cho người quản lý để đưa ra những phương án có lợi nhất cho công ty.

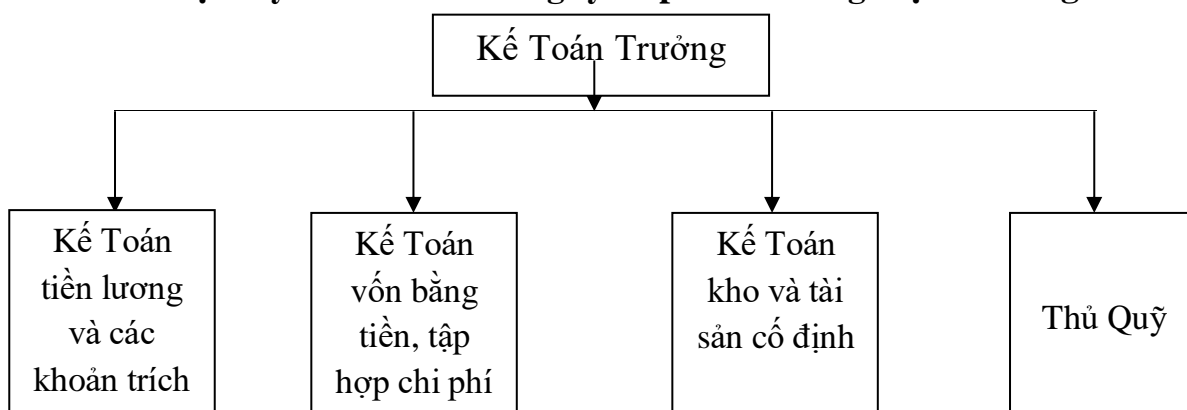
**Phòng kinh doanh:** Tiếp thị, giao dịch với khách hàng, giới thiệu sản phẩm của Công ty, tham gia dự kiến kế hoạch kinh doanh, phân tích đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh trên thị trường. Khai thác, khảo sát tìm kiếm thị trường, cung cấp các thông tin về khách hàng, phân tích hoạt động kinh tế, khả năng nhu cầu mua sắm sản phẩm của khách hàng, phản ánh và đề xuất kịp thời các vướng mắc trong việc tiêu thụ sản phẩm. Dự kiến kế hoạch kinh doanh. Chịu sự quản lý trực tiếp của lãnh đạo Công ty.

#### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega**

Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần thương mại DV Mega được tổ chức theo hình thức tập chung gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán.

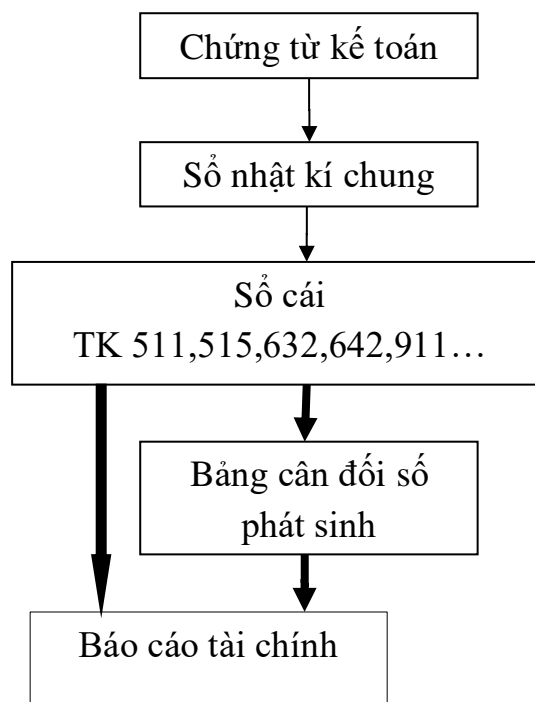
Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với mô hình kế toán tập chung đã giúp bộ máy kế toán của công ty được gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phù hợp với tình hình của công ty. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc quyết định.

#### **Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty cổ phần thương mại DV Mega**



Công ty Cổ phần thương mại DV Mega áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006.QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006

- Kỳ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm Dương lịch
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ áp dụng : Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân liên hoàn
- Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung



**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega**

**Ghi chú** Ghi chú hàng ngày →  
Ghi chú định kỳ →

## **2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega**

### **2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega**

#### **2.2.1.1. Nội dung kế toán doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega.**

a) Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu tiền
- Giấy báo có

b) Tài khoản sử dụng

- TK511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

c) Phương pháp hạch toán

**Ví dụ 1:** Ngày 03/03/2016 Bán hàng cho THCS An Tiến, khách hàng chưa thanh toán theo HĐ số 0000033 số tiền 4.950.000 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000033 (biểu 2.1), kế toán ghi vào Nhật kí chung (biểu 2.6)



**Biểu số 2.1: Hoá đơn GTGT số 0000033**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			<b>Mẫu số: 01 GTKT3/002</b>		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: HQ/15P		
<b>Liên 3: Nội bộ</b>			Số: 0000033		
<b>Ngày 03 tháng 03 năm 2016</b>					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại DV Mega					
Mã số thuế: 0200734343			Điện thoại: 0313.697.106		
Địa chỉ: Khu Công nghiệp An Tràng, An Lão, Hải Phòng					
Số tài khoản: 8012211030070-Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Kiến An					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: ..... Trường THCS An Tiến .....					
Mã số thuế:..5701164132.....Điện thoại:.....					
Địa chỉ: .....An Tiến – An Lão - Hải Phòng.....					
Hình thức thanh toán: CK.....; Số tài khoản:8113 kho bạc nhà nước huyện An Lão.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Thùng sơn TS01	thùng	1	1.500.000	1.500.000
02	Thùng sơn TS02	thùng	1	3.000.000	3.000.000
Cộng tiền hàng:					4.500.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		450.000
Tổng cộng tiền thanh toán					4.950.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn .....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

**Ví dụ 2:** Ngày 15/03 Bán hàng cho Trường tiểu học Nguyễn Công Trứ theo hóa đơn GTGT (biểu 2.2) số tiền 14.400.000 (chưa thuế VAT 10%) chưa thu tiền, khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản giấy báo có (biểu 2.3)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000037 (biểu 2.2), giấy báo có số 00112 (biểu 2.3) kê toán tiến hành ghi sổ Nhật kí chung (biểu 2.6)

### Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT

<b>HOÁ ĐƠN</b>			<b>Mẫu số: 01 GTKT3/002</b>		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			<b>Ký hiệu: HQ/15P</b>		
<b>Liên 3 : Nội bộ</b>			<b>Số: 0000037</b>		
<b>Ngày 15 tháng 03 năm 2016</b>					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần thương mại DV Mega					
Mã số thuế: 0200734343			Điện thoại: 0313.697.106		
Địa chỉ: Khu Công nghiệp An Tràng, An Lão, Hải Phòng					
Số tài khoản: 8012211030070-Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Kiến An					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: Trường tiểu học Nguyễn Công Trứ					
Mã số thuế: 5700987538					
Địa chỉ: Hàng Kênh – Lê Chân - Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: .....CK.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Sơn trong nhà	Kg	48	300.000	14.400.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>14.400.000</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT:</b>		<b>1.440.000</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>15.840.000</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ: Mười lăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng.</b>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

**Biểu số 2.3 :Giấy báo có**

**Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn quận Lê Chân**

**GIẤY BÁO CÓ***Credit slip*

Số No: 00112

Ngày Date: 15/03/2016

**ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG** BENEFICIARY**Số tài khoản** A/c number: : 8012211030070**Tên Tài khoản** A/c name: Công ty cổ phần thương mại DV Mega

Số tiền bằng số Amount in figures

**15.840.000 VNĐ****ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN** PAYMENT**Số tài khoản** A/c number: 8012212435707**Tên Tài khoản** A/c name: Trường tiểu học Nguyễn Công Trứ**Số tiền bằng chữ** Amount in words: Mười lăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng.**Nội dung** Remarks: trường tiểu học Nguyen Cong Tru thanh toan tien hang.**Giao dịch viên**

Teller

**Kiểm soát viên**

Supervisor

**Ví dụ 3:** Ngày 21/03/2016, bán cho Công ty TNHH Tú Trà 60 kg sơn ngoài nhà, đơn giá 75.000 đồng/kg hóa đơn GTGT số 0000041 (biểu 2.4) (chưa thuế GTGT 10%) thu bằng tiền mặt theo phiếu thu 041 (biểu 2.5)

Căn cứ vào hóa đơn số 0000041 ( biểu số 2.4), phiếu thu 041 ( biểu số 2.5) Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung( biểu số 2.6)

**Biểu số 2.4. Hóa đơn GTGT số 0000041**

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Sơn ngoài nhà	kg	60	75.000	4.500.000
<b>Cộng tiền hàng :</b>					<b>4.500.000</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>					<b>Tiền thuế GTGT: 450.000</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>4.950.000</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ: Bốn tri ệu.....</b>					
Người mua hàng <b>Phùng Tú Trà</b>		Người bán hàng <b>Nguyễn Thị Vân</b>		Thủ trưởng đơn vị <b>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</b>	
<small>(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</small>					

**Biểu số 2.5: Phiếu thu**

<b>Đơn vị:</b> Công ty CPTM DV Mega		<b>Mẫu số:</b> 01 – TT		
<b>Địa chỉ:</b> Khu CN An Tràng – An lão - Hải Phòng		(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
		Quyển số: .....		
		Số: ...041/3.....		
<b>PHIẾU THU</b>		Nợ 111: 4.950.000		
<i>Ngày 21 tháng 03 năm 2016.</i>		Có 511: 4.500.000		
		Có 3331: 450.000		
Họ và tên người nộp tiền: .Phùng Tú Trà – Công ty TNHH Tú Trà.....				
Địa chỉ: Khu Vĩnh Xuân - P. mạo Khê - TX Đông Triều - T Quảng Ninh				
Lý do nộp: ... Thu tiền bán hàng.....				
Số tiền: .....4.950.000.....				
(Viết bằng chữ): Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng.....				
Kèm theo: .....01 chứng từ gốc				
<i>Ngày 21 tháng 03 năm 2016</i>				
<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng...				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....				
+ Số tiền quy đổi:				

*Nguồn: Phòng Kế Toán Công ty Cổ phần thương mại DV Mega*

**Biểu số 2.6: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016**

Đơn vị: Công ty cổ phần TMDV Mega

Địa chỉ: Khu CN An Tràng – An lão - Hải Phòng.

**Mẫu số S03a-DNN**

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			<b>Phát sinh trong năm</b>			
	.....	.....	.....	.....	.....	.....
03/03	HĐ0000033	03/03	Bán hàng cho trường THCS An Tiến	131	4.950.000	
				511		4.500.000
				3331		450.000
	....	.....	.....	....	.....	.....
15/03	HĐ0000037 GBC00112	15/03	Bán hàng cho trường tiểu học Nguyễn Công Trứ	112	15.840.000	
				511		14.400.000
				3331		1.440.000
	....	.....	.....	....	.....	.....
21/03	HĐ0000041 PT041	21/03	Bán hàng cho Công ty TNHH Tú Trà	111	4.950.000	
				511		4.500.000
				3331		450.000
	....	.....	.....	....	.....	.....
	.....	.....	.....	....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>60.310.719.766</b>	<b>60.310.719.766</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.6) kê toán ghi vào sổ cái TK511 (biểu số 2.7) như sau|:

**Biểu số 2.7: Trích Sổ Cái TK 511**

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Thương mại DV Mega

Địa chỉ: Khu CN An Tràng – An lão - Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm:2016

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính : Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
...	...	...	.....	....	.....	.....
03/03	HĐ0000033	03/03	Bán hàng cho trường THCS An Tiến	131		4.500.000
...	...	...	.....	....	.....	.....
<b>15/03</b>	<b>HĐ0000037 GBC00112</b>	<b>15/03</b>	<b>Bán hàng cho trường tiểu học Nguyễn Công Trứ</b>	<b>112</b>		<b>14.400.000</b>
...	...	...	.....	....	.....	.....
<b>21/03</b>	<b>HĐ0000041 PT041/3</b>	<b>21/03</b>	<b>Bán hàng cho Công ty TNHH Tú Trà</b>	<b>111</b>		<b>4.500.000</b>
...	...	...	.....	....	.....	.....
			<b>Cộng SPS</b>		<b>4.880.068.948</b>	<b>4.880.068.948</b>
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

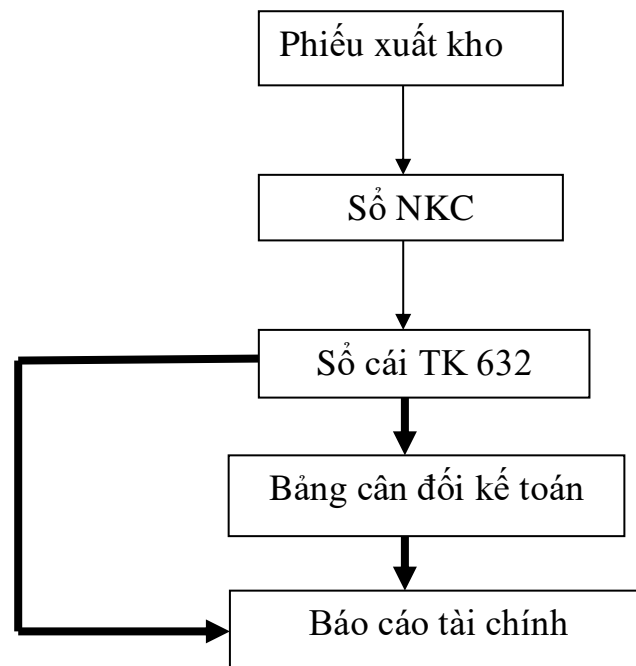
**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)



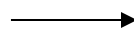
### 2.1.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

- ❖ Chứng từ sử dụng
  - Phiếu xuất kho
  - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Sổ kết toán sử dụng
  - Sổ nhật ký chung
  - Sổ cái TK 632
- ❖ Trình tự hạch toán



Chú thích:

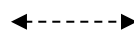
Ghi hàng ngày



Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ



Đối chiếu



***Ví dụ minh họa:***

**Tiếp tục ví dụ 1:** Ngày 3/3/2016 Bán hàng cho THCS An Tiến, khách hàng chưa thanh toán theo HĐ số 0000033 số tiền 4.950.000 đồng.

Căn cứ vào Sổ chi tiết 156-TS01 (biểu 2.9) và sổ chi tiết 156-TS02 (biểu 2.10) kế toán xác định đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn như sau

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{kho của TS01} \end{array} = \frac{5.865.138}{6} = 977.523$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{kho của TS02} \end{array} = \frac{8.175.000}{5} = 1.635.000$$

Sau đó kế toán ghi đơn giá vào phiếu xuất kho để tính thành tiền phục vụ công tác định khoản và ghi sổ theo bút toán

ĐK: - Nợ TK 632: 2.612.253

Có TK 156 : 2.612.253

Căn cứ vào phiếu xuất kho 080 (biểu 2.8) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.13)

**Biểu số 2.8: Phiếu Xuất kho**

Đơn vị: Công ty CPTM DV Mega

**Mẫu số 02-VT**Địa chỉ: Khu CN An Tràng – An  
lão - Hải Phòng**PHIẾU XUẤT KHO**  
Ngày 03 tháng 03 năm 2016( Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-  
BTC ngày 14/9/2006 của Bộ  
trưởng BTC)

P XK080

NợTK 632

CóTK 156

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Mát

Địa chỉ : Phòng kinh doanh công ty Cổ phần thương mại DV Mega

Lý do xuất: Bán sơn

Xuất tại kho: 1-1

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thùng sơn TS01	TS11	Thùng	1	1	977.253	977.253
2	Thùng sơn TS02	TS02	Thùng	1	1	1.635.000	1.635.000
	<b>Cộng</b>						<b>2.612.253</b>

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Hai triệu sáu trăm mười hai nghìn hai trăm năm  
mươi ba đồng. -**

-Số chứng từ gốc kèm theo...

Ngày 03 tháng 03 năm 2016

**Người lập phiếu****Người nhận hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(họ và tên)

(họ và tên)

(họ và tên)

(họ và tên)

(họ và tên)

**Biểu số 2.9: Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ****CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MEGA****SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)****Tháng 03****Tài khoản: 156****Tên, quy cách vật tư, hàng hóa: Thùng sơn TS01**

Đơn vị tính:

Thùng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		<b>Số dư đầu tháng</b>		<b>984.000</b>					<b>20</b>	<b><u>19.680.000</u></b>
...		...		...						...
PNK067	01/03	Mua hàng hóa	331	848.000	10	8.480.000			10	5.865.138
PXK080	03/03	Xuất kho hàng bán	632	977.523			1	3.000.000	5	4.887.615
.....		.....		.....		.....		.....		.....
		<b>Cộng phát sinh</b>			<b>15</b>	<b>14.662.845</b>	<b>30</b>	<b>12.707.779</b>	<b>5</b>	<b>21.635.066</b>

*Người lập**Kế toán trưởng**Giám đốc*

**Biểu số 2.10: Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ****CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MEGA****SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tháng 03

Tài khoản: 156

Tên, quy cách vật tư, hàng hóa: Thùng sơn TS02

Đơn vị tính: Thùng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐU'	Đơn giá	Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		Số dư đầu tháng		1.650.000					9	<u>14.850.000</u>
...		...		...						...
PNK068	01/03	Mua hàng hóa	331	1.500.000	5	7.500.000			5	8.175.000
PXK080	03/03	Xuất kho hàng bán	632	1.635.000			1	1.500.000	4	6.540.000
.....		.....		.....		.....		.....		.....
		<b>Cộng phát sinh</b>			<b>16</b>	<b>26.160.000</b>	<b>15</b>	<b>24.525.000</b>	<b>10</b>	<b>16.485.000</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Tiếp tục ví dụ 2:** Ngày 15/03/2016 Bán hàng cho Trường tiểu học Nguyễn Công Trứ theo hoá đơn GTGT số tiền 14.400.000 (chưa thuế VAT 10%) chưa thu tiền khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản,

Căn cứ vào Sổ chi tiết 156 – Thùng sơn TS01 (biểu 2.12) kế toán xác định đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn như sau

$$\begin{array}{r} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{kho của TS01} \end{array} = \frac{15.810.000}{62} = 255.000$$

Sau đó kế toán ghi đơn giá vào phiếu xuất kho để tính thành tiền phục vụ công tác định khoản và ghi sổ theo bút toán

ĐK: - Nợ TK 632: 12.240.000

Có TK 156 : 12.240.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho 092 (biểu 2.11) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.13)

**Biểu số 2.11: Phiếu Xuất kho**

Đơn vị: Công ty CPTM DV Mega

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: Khu CN An Tràng, An Lão, Hải Phòng

**PHIẾU XUẤT KHO**

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày 15 tháng 03 năm 2016

P XK092

NợTK 632

CóTK 156

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Mát

Địa chỉ : Phòng kinh doanh công ty Cổ phần thương mại DV Mega

Lý do xuất: Bán thùng sơn

Xuất tại kho: 1-1

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thùng sơn TS01	TS01	Thùng	48	48	255.000	12.240.000
	<b>Cộng</b>						<b>12.240.000</b>

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Mười hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.**

--Số chứng từ gốc kèm theo...

Ngày 15 tháng 03 năm 2016

**Người lập phiếu****Người nhận hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(họ và tên)

(họ và tên)

(họ và tên)

(họ và tên)

(họ và tên)

**Biểu số 2.12: Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ****CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MEGA****SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)****Tháng 03****Tài khoản: 156****Tên, quy cách vật tư, hàng hóa: Thùng sơn TS01****Đơn vị tính: Thùng**

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		<b>Số dư đầu tháng</b>		<b>261.000</b>					<b>80</b>	<b><u>20.880.000</u></b>
...		...		...						...
PNK081	10/03	Mua hàng hóa	331	240.000	59	14.160.000			62	15.810.000
PXK092	15/03	Xuất kho hàng bán	632	255.000			48	12.240.000	14	3.570.000
.....		.....		.....		....		.....		.....
		<b>Cộng phát sinh</b>			<b>65</b>	<b>16.575.000</b>	<b>51</b>	<b>13.050.000</b>	<b>94</b>	<b>24.405.000</b>

*Người lập**Kế toán trưởng**Giám đốc*



**Biểu số 2.13: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016**

Đơn vị: Công ty cổ phần TMDV Mega

**Mẫu số S03a-DNN**

Địa chỉ: Khu CN An Tràng – An Lão - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>PXK080</b>	<b>03/03</b>	<b>Xuất kho bán hàng cho Trường THCS An Tiến</b>	<b>632</b>	<b>2.612.253</b>	
			<b>156</b>		<b>2.612.253</b>
HĐ0000 033	03/03	Bán hàng cho Trường THCS An Tiến	131	4.950.000	
			511		4.500.000
			3331		450.000
.....	.....	.....	....	.....	.....
<b>PXK092</b>	<b>15/03</b>	<b>Xuất kho bán hàng cho TH Nguyễn Công Trứ</b>	<b>632</b>	<b>12.240.000</b>	
			<b>156</b>		<b>12.240.000</b>
HĐ0000 037	15/03	Bán hàng cho trường TH Nguyễn Công Trứ	112	15.840.000	
			511		14.400.000
			3331		1.440.000
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>60.310.719.766</b>	<b>60.310.719.766</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.13) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK632 (biểu 2.14) như sau:

**Biểu số 2.14 :Trích Sổ cái 632 năm 2016**

**Đơn vi:**Công ty CPTM DV Mega

**Mẫu số:** S03b – DNN

**Địa chỉ:** Khu Cn An Tràng – An Lão - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm:2016

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu:632

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
...	...	...	...		
<b>PXK080</b>	<b>03/03</b>	<b>Xuất kho bán hàng cho Trường THCS An Tiến</b>	<b>156</b>	<b>2.612.253</b>	
...	....	.....	.....		
<b>PXK092</b>	<b>15/03</b>	<b>Xuất kho bán hàng cho trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ</b>	<b>156</b>	<b>12.240.000</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		Cộng số phát sinh		<b>230.567.023.942</b>	<b>230.567.023.942</b>
		<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

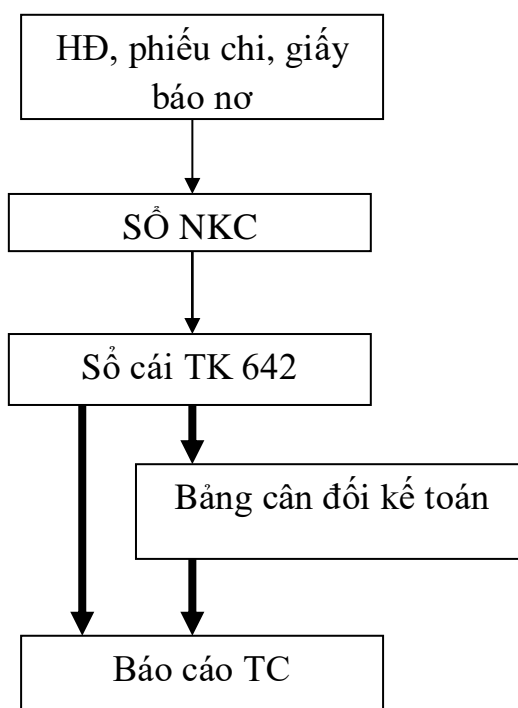
**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.1.3. Nội dung kế toán chi phí kinh doanh tại Công ty CPTM DV Mega.

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp

- ❖ Chứng từ kế toán sử dụng.
  - Phiếu chi.
  - Hóa đơn GTGT.
  - Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,...
- ❖ Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.
  - TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.
  - Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...
  - Sổ Nhật ký chung.
  - Sổ cái TK 642 và các sổ sách có liên quan.
- ❖ Trình tự hạch toán:



#### ***Ví dụ minh họa:***

**Ví dụ 1:** Ngày 05/03 Thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt:  
2.456.987 (chưa thuế).

Đk: Nợ TK 642: 2.456.987

Nợ TK 133: 245.698

Có TK 111: 2.702.685

Căn cứ vào hóa đơn số 3005768 ( biểu số 2.15) phiếu chi 045 ( biểu số 2.16) Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung( biểu số 2.19)

**Biểu số 2.15:HD 3005768**

		<b>HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)</b>		Mẫu số:01GTKT2/001																	
<b>3005768</b>		TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		<b>Ký hiệu</b> (Serial No):HQ/15P																	
Liên 2:Giao cho người mua (Customer copy)				<b>Số</b> (No): 3005768																	
Mã số thuế:		<table border="1"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>8</td><td>7</td><td>9</td><td>7</td><td>7</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>				0	2	0	0	2	8	7	9	7	7						
0	2	0	0	2	8	7	9	7	7												
Viễn thông Hải Phòng 0203653704																					
Địa chỉ: Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng																					
Tên khách hàng(Customer's name):Công ty cổ phần thương mại DV Mega																					
Địa chỉ(Address):Khu CN An Tràng, An Lão, Hải Phòng																					
Số điện thoại(Tel):031.3697106. Mã số (code): HPG-03-036537(T5DHA3)																					
Hình thức thanh toán(Kind of Payment):TM		MST:		<table border="1"> <tr> <td>5</td><td>7</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>0</td><td>9</td><td>3</td><td>8</td><td>8</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		5	7	0	0	5	0	9	3	8	8						
5	7	0	0	5	0	9	3	8	8												
STT(NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND																
1	2	3	4	5	6=4x5																
	Kỳ cước tháng:2/2016 a.Cước dịch vụ Viễn thông b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế c.Chiết khấu+Đa dịch vụ d.Khuyến mãi e.Trừ đặt cọc+trích thưởng+nợ cũ				<b>2.456.987</b> <b>0</b>																
(a+b+c+d)		Cộng tiền dịch vụ (Total)(1):			<b>2.456.987</b>																
Thuế suất GTGT (VAT rate):10%x(1)=				Tiền thuế GTGT																	
(1+2+e)		Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)(1+2):			<b>2.702.685</b>																
Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai triệu bảy trăm linh hai nghìn sau trăm tám mươi lăm nghìn đồng.																					
				Ngày 05 tháng 03 năm 2016																	
Người nộp tiền ký(Signature of payer)			Nhân viên giao dịch ký(Signature of dealing staff)																		

**Biểu số 2.16 : Phiếu chi số 045**

Công ty cổ phần thương mại DV Mega  
Khu CN An Tràng – An Lão - Hải Phòng

**Mẫu số 02 –TT**  
( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 05 tháng 03 năm 2016*

Số: PC045

Nợ 642:2.456.987

Nợ 133: 245.698

Có 111:2.702.685

Người nhận tiền: Nguyễn Thanh Hương

Địa chỉ: Công ty Viễn Thông VNPT

Lý do chi: trả tiền hóa đơn 3005768

Số tiền: **2.702.685**

(Viết bằng chữ: **Hai triệu bảy trăm linh hai nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng.**)

*Ngày 05 tháng 03 năm 2016*

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập  
phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

**Ví dụ 2:**

Ngày 29/03, công ty thanh toán chi phí tiếp khách cho doanh nghiệp tư nhân Việt Mỹ.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000547( biểu số 2.17), phiếu chi số 060 ( biểu số 2.18) Kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.19)

***Định khoản***

Nợ TK 642: 15.721.000

Nợ TK 133: 1.572.100

Có TK 111: 17.293.100

**Biểu số 2.17. Hóa đơn GTGT số 0000547**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			<b>Mẫu số: 01GTKT3/001</b>		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			<b>Ký hiệu: HQ/15P</b>		
<b>Liên 2: Giao cho người mua</b>			<b>Số: 0000547</b>		
<b>Ngày 29 tháng 03 năm 2016</b>					
Đơn vị bán hàng: Doanh nghiệp tư nhân Việt Mỹ					
Mã số thuế: 5700949458					
Địa chỉ: Khu Vĩnh Xuân - P. mạo Khê - TX Đông Triều - T Quảng Ninh					
Điện thoại:					
Số tài khoản: .....					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần thương mại DV Mega					
Số tài khoản:					
Địa chỉ: Khu CN An Tràng – An Lão - Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: .....TM....; Mã số thuế:...5700509338.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Tiếp khách ăn uống				15.721.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>15.721.000</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>					<b>Tiền thuế GTGT: 1.572.100</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>17.293.100</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu hai trăm chín mươi ba nghìn một trăm đồng.</b>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị <b>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</b>	
<small>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</small>					

**Biểu số: 2.18. Phiếu chi 060**

Công ty cổ phần thương mại DV Mega  
Khu CN An Tràng – An Lão - Hải Phòng

**Mẫu số 02 –TT**  
( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 29 tháng 03 năm 2016*

Số: PC060

Nợ 642:15.721.000

Nợ 133: 1.572.100

Có 111:17.293.100

Người nhận tiền: Nguyễn Thị Vân

Địa chỉ: Công ty Cổ phần thương mại DV Mega

Lý do chi: Thanh toán chi phí tiếp khách

Số tiền: **17.293.100**

(Viết bằng chữ: **Mười bảy triệu hai trăm chín mươi ba nghìn một trăm đồng.**)

*Ngày 29 tháng 03 năm 2016*

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập  
phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)



**Biểu số 2.19: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016**

(Mẫu số S03a-DNN)

**Đơn vị:** Công ty CPTM DV Mega

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC)

**Địa chỉ:** Khu CN An Tràng – An Lão - Hải Phòng

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>PC045</b>	<b>05/03</b>	<b>Thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt</b>	<b>642</b>	<b>2.456.987</b>	
			<b>133</b>	<b>245.698</b>	
			<b>111</b>		<b>2.702.685</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>HD000054 7-PC060</b>	<b>29/03</b>	<b>Thanh toán chi phí tiếp khách</b>	<b>642</b>	<b>15.721.000</b>	
			<b>133</b>	<b>1.572.100</b>	
			<b>111</b>		<b>17.293.100</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>60.310.719.766</b>	<b>60.310.719.766</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.19) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK642 (biểu 2.20) như sau:

**Biểu số 2.20: Trích Sổ cái 642 năm 2016**

**Đơn vị:** Công ty CPTM DV Mega

**Mẫu số:** S03b – DNN

**Địa chỉ:** Khu CN An Tràng – An Lão - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm: 2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
...	...	...	...		
<b>PC045</b>	<b>05/03</b>	<b>Thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt</b>	<b>111</b>	<b>2.456.987</b>	
...	...	...	...		
BTTL T3	28/03	Tính lương tháng 03 cho nhân viên	334	44.093.100	
...	...	...	...		
<b>PC060</b>	<b>29/03</b>	<b>Thanh toán chi phí tiếp khách</b>	<b>111</b>	<b>15.721.000</b>	
		.....			
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.002.781.551</b>	<b>1.002.781.551</b>
		<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

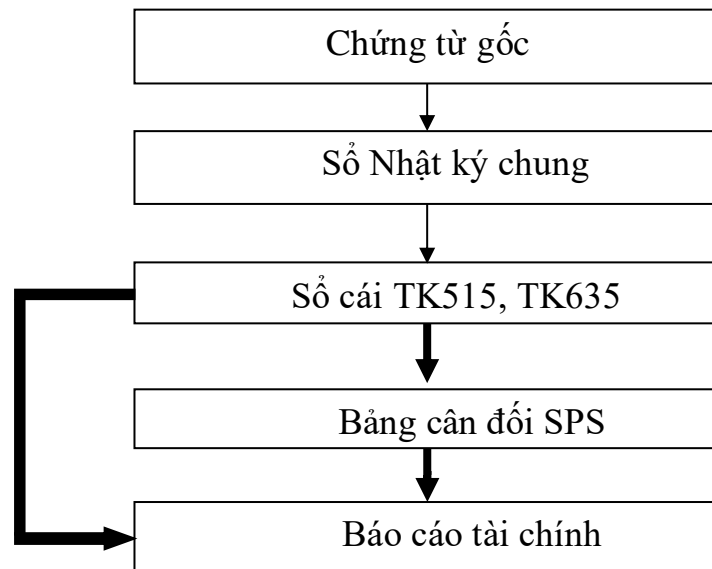
**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần thương mại DV Mega

Hoạt động của công ty chủ yếu chú trọng vào dịch vụ thương mại nên Công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh. Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi hàng tháng cho khoản vay dài hạn và phí tiền gửi

- ❖ Chứng từ sử dụng
  - Giấy báo có
  - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Sổ kế toán sử dụng
  - Sổ cái TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.
  - Sổ cái TK 635 – Chi phí tài chính
- ❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú: Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$   
 Ghi cuối năm:  $\longrightarrow$

**Ví dụ minh họa:** Lãi tiền gửi tháng 03 năm 2016

Căn cứ GBC(biểu số 2.21) Kê toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22)

**ĐK:** Nợ TK 112: 47.420

Có TK 515 : 47.420

**Biểu số 2.21 :Giấy báo có**

**Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn**



**GIẤY BÁO CÓ**

*Credit slip*

Số No:

Ngày Date: 31/03/2016

**ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG**BENEFICIARY

**Số tài khoản**A/c number: : 8012211030070

**Tên Tài khoản**A/c name: Công ty cổ phần thương mại DV Mega

Số tiền bằng số Amount  
in figures

**47.420 VNĐ**

**ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN**PAYMENT

**Số tài khoản**A/c number:

**Tên Tài khoản**A/c name:

**Số tiền bằng chữ**Amount in words:**Bốn mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi đồng.**

**Nội dung**Remarks:Lãi tiền gửi tài khoản nhập gốc

**Giao dịch viên**

Teller

**Kiểm soát viên**

Supervisor

**Biểu số 2.22: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016**

Nguyễn Tuyết Nga – QT1805K

( **Mẫu số S03a-DNN**

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

**Đơn vị:** Công ty CPTM DV Mega**Địa chỉ:** Khu CN An Tràng – An Lão - Hải Phòng**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>GBC</b>	<b>28/02</b>	<b>Lãi tiền gửi tháng 02</b>	<b>112</b>	<b>39.670</b>	
			<b>515</b>		<b>39.670</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>GBC</b>	<b>31/03</b>	<b>Lãi tiền gửi tháng 03</b>	<b>112</b>	<b>47.420</b>	
			<b>515</b>		<b>47.420</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>60.310.719.766</b>	<b>60.310.719.766</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.22) kế toán tiền hành ghi sổ cái TK515 (biểu 2.23) như sau:

**Biểu số 2.23 :Trích Sổ cái 515 năm 2016**

**Đơn vị:**Công ty CPTM DV Mega

**Mẫu số:** S03b – DNN

**Địa chỉ:** Khu CN An Tràng – An Lão - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm:2016

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu:515

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
...	...	...	...		
GBC	28/02	Lãi tiền gửi tháng 02	112		39.670
...	...	...	...		
<b>GBC</b>	<b>31/03</b>	<b>Lãi tiền gửi tháng 03</b>	<b>112</b>		<b>47.420</b>
		.....			
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>197.200</b>	<b>197.200</b>
		<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

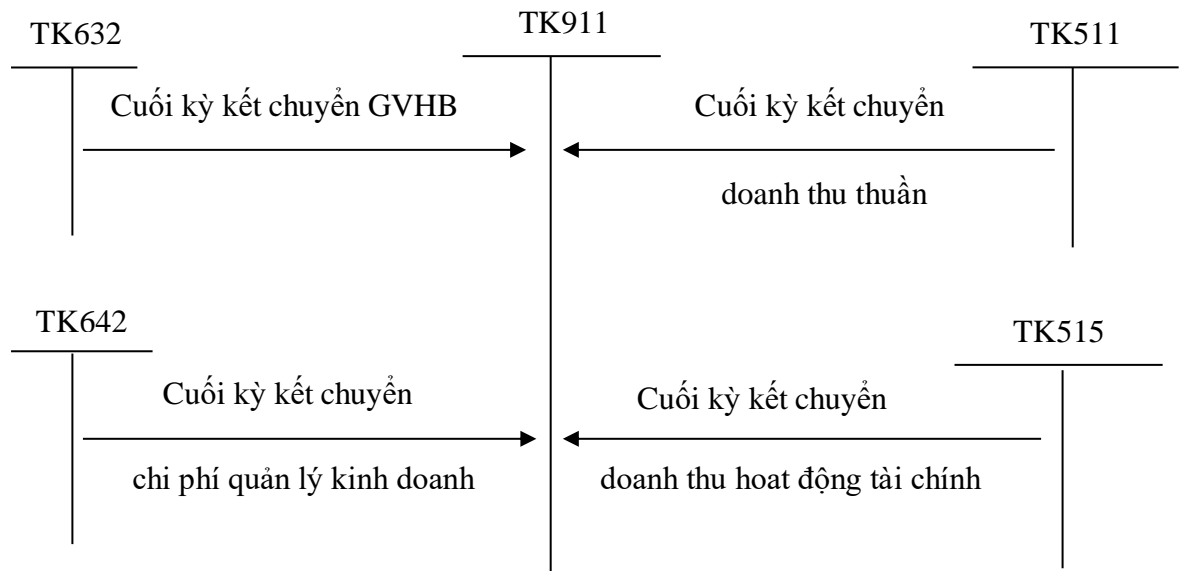
### 2.2.3 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí khác tại Công ty cổ phần thương mại DV Mega

- ❖ Chứng từ sử dụng
  - Giấy báo có
  - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Sổ kế toán sử dụng
  - Sổ Nhật ký chung TK 711 – Thu nhập khác
  - Sổ cái TK 811 – Chi phí khác.

Trong năm 2016, Công ty Cổ phần thương mại DV Mega không phát sinh nghiệp vụ nào về thu nhập khác và chi phí khác.

### 2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại DV Mega.

- ❖ Chứng từ sử dụng:
  - Phiếu kế toán
- ❖ Sổ kế toán sử dụng
  - Sổ cái TK 911
  - Sổ cái TK 821
  - Sổ cái TK 421
- ❖ Trình tự hạch toán:



Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 020,021,022 (**Biểu số 2.24, 2.25,2.26**) Từ Phiếu kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.37**) sau đó từ Sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.28**) phản ánh sổ cái TK 911 (**Biểu số 2.29**),

**Biểu số 2.24: Phiếu kế toán**

Công ty CPTM DV Mega				
Khu CN An Tràng – An Lão - Hải Phòng				
Mã số thuế : 0200734343				
<b>PHIẾU KẾ TOÁN</b>				
Số 020				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	511	4.880.068.948
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	515	197.200
	Cộng			4.880.266.148
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
<b>Người lập biểu</b> (Ký, họ tên)			<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	



**Biểu số 2.25: Phiếu kế toán**

Công ty CPTM DV Mega  
 Khu CN An Tràng – An Lão - Hải Phòng  
 Mã số thuế : 0200734343

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 021

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn	911	632	4.107.522.052
2	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	802.781.551
	Cộng			4.910.303.603

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Biểu số 2.26: Phiếu kế toán**

Công ty CPTM DV Mega  
 Khu CN An Tràng – An Lão - Hải Phòng  
 Mã số thuế : 0200734343

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 022

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	421	911	<b>280.037.455</b>
	Cộng			<b>280.037.455</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Biểu số 2.27 :Trích sổ Nhật ký chung năm 2016****Đơn vị:**Công ty cổ phần thương mại DV Mega**( Mẫu số S03a-DNN****Địa chỉ:**Khu CN An Tràng – An Lão - Hải PhòngBan hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>31/12</b>	<b>PKT20</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển DTBH</b>	<b>511</b>	<b>4.880.068.948</b>	
				<b>911</b>		<b>4.880.068.948</b>
<b>31/12</b>	<b>PKT20</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển DTHĐTC</b>	<b>515</b>	<b>197.200</b>	
				<b>911</b>		<b>197.200</b>
<b>31/12</b>	<b>PKT21</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển giá vốn hàng bán</b>	<b>911</b>	<b>4.107.522.052</b>	
				<b>632</b>		<b>4.107.522.052</b>
<b>31/12</b>	<b>PKT21</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển CPQLDN</b>	<b>911</b>	<b>1.002.781.551</b>	
				<b>642</b>		<b>1.002.781.551</b>
<b>31/12</b>	<b>PKT23</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển lỗ</b>	<b>421</b>	<b>280.037.455</b>	
				<b>911</b>		<b>280.037.455</b>
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>60.310.719.766</b>	<b>60.310.719.766</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.28: Trích Sổ cái 911 năm 2016**

**Đơn vị:** Công ty cổ phần thương mại DV  
Mega

**Địa chỉ:** Khu CN An Tràng – An Lão - Hải  
Phòng

**Mẫu số:** S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm: 2016

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/Ư	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
...	...	...	...	...	.....	.....
<b>31/12</b>	<b>PKT20</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển doanh thu bán hàng</b>	<b>511</b>		<b>4.880.068.948</b>
<b>31/12</b>	<b>PKT20</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>515</b>		<b>197.200</b>
<b>31/12</b>	<b>PKT21</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển giá vốn hàng bán</b>	<b>632</b>	<b>4.107.522.052</b>	
<b>31/12</b>	<b>PKT21</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển CPQLKD</b>	<b>642</b>	<b>1.002.781.551</b>	
<b>31/12</b>	<b>PKT23</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển lỗ</b>	<b>421</b>		<b>280.037.455</b>
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>5.728.622.277</b>	<b>5.728.622.277</b>
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.29: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị: Công ty CPTM DV Mega

Mẫu số : B02-DNN

Địa chỉ: Khu CN An Tràng – An Lão - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Mã số thuế: 0200734343

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng VN

CHỈ TIÊU	MÃ	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	4.880.068.948	3.551.579.050
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>		<b>4.880.068.948</b>	<b>3.551.579.050</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		4.107.522.052	2.956.051.540
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>		<b>722.546.896</b>	<b>595.527.510</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		197.200	211.100
7. Chi phí tài chính	22			5.816.667
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			5.816.667
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.002.781.551	582.055.946
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24}</b>	<b>30</b>		<b>(280.037.455)</b>	<b>7.865.997</b>
10. Thu nhập khác	31			900.000.000
11. Chi phí khác	32			1.091.137.160
<b>12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)</b>	<b>40</b>			<b>(191.137.160)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	IV.09	<b>(280.037.455)</b>	<b>(183.270.719)</b>
14. Chi phí thuế TNDN	51			1.573.199
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)</b>	<b>60</b>		<b>(280.037.455)</b>	<b>(184.483.918)</b>

Lập ngày 10 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu  
Nguyễn Thị MátKế toán trưởng  
Nguyễn Thị MátGiám đốc  
Phạm Đình Ninh

## CHƯƠNG 3

# MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MEGA

### 3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty CPTM DV Mega.

#### 3.1.1. Ưu điểm

- Về công tác quản lý:

+ Đội ngũ cán bộ công nhân năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

+Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng , nhanh chóng.

- Về công tác kế toán:

+Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, mỗi kế toán được phân công, phụ trách một mảng riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp một cách chặt chẽ.

+Các kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu để đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của Công ty.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:

+Công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

+Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Nó giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng hóa một cách dễ dàng.

- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

+Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

+Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

+Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty. Giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

### **3.1.2.Hạn chế**

- Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng. áp dụng mức chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn, làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

- Công ty chưa áp dụng kế toán mới.

- Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách, số liệu nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như Word, Excel mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, Gama, Fast Accounting,...

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.**

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega chưa thực sự hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả.

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.**

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao,

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất... phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch toán.

### **3.4. Nội dung hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega.**

#### ***3.4.1. Kiến nghị 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán***

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều công ty buôn bán nội thất khác nhau mà giá cả lại chênh nhau không nhiều. Điều này cho thấy tính cạnh tranh trên thị trường là rất cao, buộc Doanh nghiệp phải có những chính sách bán hàng đúng đắn, thích hợp nhằm thu hút khách hàng cũng như nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường. Trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần thương mại DV Mega em nhận thấy rằng công ty chưa có những chính sách bán hàng như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán vì vậy công ty nên đưa vào nhằm thu hút khách hàng.

#### ***Chiết khấu thương mại***

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

***Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại***

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211.

***Phương pháp hạch toán***

Tài khoản sử dụng: **TK 5211** - Chiết khấu thương mại

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 5211 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Để chào mừng năm mới Công ty Cổ phần thương mại DV Mega có chương trình khuyến mại trong quý 1 từ 1/1/2016 - 31/1/2016

<b>Nội dung hưởng chiết khấu</b>	<b>Số % được hưởng</b>
<b>khách hàng &gt;= 10sp</b>	<b>5%</b>
<b>khách hàng &gt;= 20sp</b>	<b>10%</b>

***Ví dụ 1:***

Ngày 15/03 bán hàng cho trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ theo HĐ0000037 số tiền 14.400.000 đồng (chưa thuế).

Trường Nguyễn Công Trứ mua 48 thùng sơn TS-01 vì vậy công ty Cổ phần thương mại DV Mega khi viết hóa đơn xuất bán ngày 15/03 sẽ trừ phần chiết khấu thương mại 10%

Tổng số tiền chiết khấu là:  $48 \times 300.000 \times 10\% = 1.440.000$



**Biểu số 3.1 HĐ GTGT số 0000037**

<b>HÓA ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> <b>Liên 3: Nội bộ</b> <b>Ngày 15 tháng 03 năm 2016</b>				<b>Mẫu số: 01GTKT3/001</b> <b>Ký hiệu: HQ/15P</b> <b>Số: 0000037</b>	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DV MEGA Mã số thuế: 0200734343 Địa chỉ: Khu CN An Tràng – An Lão - Hải Phòng Số tài khoản: 8012211030070 ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Mạo Khê					
Đơn vị mua hàng: trường tiểu học Nguyễn Công Trứ Mã số thuế: 5700987538 Địa chỉ: Hàng Kênh – Lê Chân - Hải Phòng Hình thức thanh toán: ....CK.....Số tài khoản.....					
STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thùng sơn TS-01	Thùng	48	300.000	14.400.000
2	Chiết khấu thương mại được hưởng				1.440.000
<b>Cộng tiền hàng</b>					<b>12.960.000</b>
<b>Thuế GTGT :10%</b>		<b>Tiền thuế GTGT</b>			<b>1.296.000</b>
<b>Tổng tiền thanh toán</b>					<b>14.256.000</b>
<b>Số tiền bằng chữ: Mười bốn triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng.</b>					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký)	

### 3.4.2 Kiến nghị 2: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán.

- *Lý do kiến nghị:* Công ty Cổ phần thương mại DV Mega vẫn đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán nhưng nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất dẫn đến việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện phần hành kế toán của Công ty rất mất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc của phòng kế toán.

- *Mục tiêu của giải pháp:* Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời.

- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường. Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán có những ưu điểm sau:

- **Ít tốn thời gian:** Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in.

- **Chính xác:** Chương trình kế toán có độ chính xác khá cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải có thể do nhập sai số liệu hoặc thông tin sai từ đầu.

- **Dễ sử dụng:** Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng.

- **Lập báo cáo:** Một trong những điều tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kì theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vòng vài giây, đây là một cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính. Các báo cáo có thể xuất ra file excel hoặc word để sử dụng lập BCTC hàng năm. Đặc biệt các phần mềm kế toán cho phép lập các báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo hàng ngày, tuần hoặc tháng.

- **Công nợ:** Quản lý công nợ nếu thao tác thủ công và cảm tính, số liệu công nợ có thể bị nhầm lẫn, thậm chí dẫn đến hao hụt tài chính doanh nghiệp, lượng tiền chết tăng dần do nợ ứ đọng, doanh nghiệp loay hoay trong vấn đề thu hồi vốn. Lúc này, phần mềm sẽ là bộ não tinh táo nhất ghi lại công nợ, giúp kế toán có thể theo dõi được hạn mức công nợ trên từng khách hàng, hỗ trợ theo dõi, báo

cáo công nợ trên từng khách hàng, tổng công nợ khách hàng, công nợ theo từng nhân viên. Người quản lý có thể dễ dàng kiểm tra lịch sử giao dịch, mức nợ, thời hạn nợ, ngày tháng ghi nợ, sản phẩm,... của từng khách hàng, quản lý có thể dễ dàng theo dõi công nợ của khách hàng này đến từ những đơn hàng nào, chi tiết ra sao. Ngoài ra, phần mềm còn hỗ trợ tải xuống báo cáo công nợ dạng excel khi người quản lý muốn in tài liệu hoặc nhập file dữ liệu vào phần mềm kế toán để quản lý. Hãy lập ra một danh sách tất cả các nhu cầu cần thiết của công ty và tìm kiếm phần mềm kế toán phù hợp và nó sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm rất nhiều thời gian.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: FAST, CYBER, ACOUTING, MISA, ASOFT, ADSOFT... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng. Công ty cổ phần thương mại DV Mega là doanh nghiệp nhỏ nên có thể sử dụng các phần mềm kế toán như sau:

- Phần mềm kế toán Misa
- Phần mềm kế toán Fast Accounting

.....

Phần mềm kế toán Misa: [http:// www.misa.com.vn/](http://www.misa.com.vn/)



**Chức năng:**

MISA SNE.NET 2017 là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, TSCĐ, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân hàng, Tổng hợp.

MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.

Phần mềm kế toán *Fast Accounting*: <http://www.fast.com.vn/>



### **Chức năng:**

Fast Accounting có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Có thể hạch toán với mô hình phức tạp như nhiều đơn vị cấp dưới, nhiều bộ phận hạch toán, nhiều loại ngoại tệ. Luôn được cập nhật các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo đúng quy định.

Fast Accounting tập trung vào nâng cao tốc độ xử lý khi thực hiện giao dịch, xử lý và tính toán cuối kỳ cũng như lên báo cáo giúp người sử dụng làm việc với tốc độ nhanh nhất.

Có nhiều tiện ích, tính năng thông minh giúp người sử dụng khai thác thông tin một cách hiệu quả phục vụ tốt công tác kế toán quản trị.

Hai phần mềm trên đều phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời là công cụ đắc lực trong công tác kế toán nói chung và công tác quản lý công nợ của doanh nghiệp nói riêng.

Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.

Để có thể thuận lợi cho việc cài đặt phần mềm kế toán doanh nghiệp nên trong bị cho phòng kế toán đầy đủ máy tính có cấu hình phù hợp và có kết nối mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán viên tìm hiểu sử dụng phần mềm mà công ty sẽ sử dụng.

### **3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega.**

#### **3.4.1. Về phía Nhà nước**

- Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp để khuyến khích doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng có tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ.

#### **3.4.2. Về phía doanh nghiệp**

+Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

+Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.

+Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyên chứng từ cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.

---

## KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Bài viết đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và công tác kế toán chung tại Công ty Cổ phần thương mại DV Mega như:

- Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán
- Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán,

*Hải phòng, ngày...tháng...năm 2017*

**Sinh viên thực tập**

Nguyễn Tuyết Nga